

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

Số: 38 /QĐ-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bình Phước, ngày 08 tháng 01 năm 2014

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công bố một số thủ tục hành chính được sửa đổi thuộc thẩm quyền
giải quyết của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Phước**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 29/11/2005;

Căn cứ Luật Tài nguyên nước ngày 21/6/2012;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về
việc kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 25/2013/NĐ-CP ngày 29/3/2013 của Chính phủ về
phí bảo vệ môi trường đối với nước thải;

Căn cứ Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14/5/2013 của Chính phủ sửa
đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành
chính;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 63/2013/TTLT - BTC - BTNMT ngày
15/5/2013 của Bộ Tài chính, Bộ Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn thực hiện
Nghị định số 25/2013/NĐ-CP ngày 29/3/2013 của Chính phủ về phí bảo vệ môi
trường đối với nước thải;

Căn cứ Quyết định số 2068/QĐ-UBND ngày 09/10/2012 của UBND tỉnh
Bình Phước về việc công bố bộ thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng
quản lý của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Phước;

Căn cứ Quyết định số 42/2012/QĐ-UBND ngày 28/12/2012 của UBND
tỉnh Bình Phước ban hành mức thu một số loại phí, lệ phí trên địa bàn tỉnh;

Căn cứ Quyết định số 46/2013/QĐ-UBND ngày 08/11/2013 của UBND
tỉnh Bình Phước Ban hành quy chế phối hợp giữa Sở Tư pháp với các sở, ban,
ngành, UBND cấp huyện, UBND cấp xã trong việc rà soát, cập nhật, công bố,
công khai thủ tục hành chính trên địa bàn tỉnh;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số
423/TTr-STNMT ngày 16/12/2013,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục thủ tục hành chính
thuộc lĩnh vực Tài nguyên nước – Khí tượng Thủy văn và lĩnh vực Bảo vệ Môi
trường được sửa đổi thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tài nguyên và Môi
trường đã ban hành tại Quyết định số 2068/QĐ-UBND ngày 09/10/2012 của



UBND tỉnh Bình Phước về việc công bố bộ thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Phước.

Điều 2. Các ông, bà: Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Giám đốc Sở Tư pháp, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này, kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ TN&MT, Bộ Tư pháp;
- Cục KSTTHC;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Như Điều 2;
- LĐVP; P.NC-NgV, KTN;
- Lưu: VT, H50, 29/12. ¹⁰

CHỦ TỊCH



Nguyễn Văn Trầm

**MỘT SỐ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH
SỬA ĐỔI THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT
CỦA SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH BÌNH PHƯỚC**
(Ban hành kèm theo Quyết định số 38 /QĐ-UBND ngày 08/01/2014
của Chủ tịch UBND tỉnh Bình Phước)

**PHẦN MỘT
DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH SỬA ĐỔI**

STT	Tên thủ tục hành chính	Nội dung sửa đổi
I. Lĩnh vực Tài nguyên nước và Khí tượng thủy văn		
1	Thủ tục cấp giấy phép xả nước thải vào nguồn nước dưới 5.000m ³ /ngày đêm	<p>1. Trình tự thực hiện: Nhiệm vụ này trước đây giao Chi cục Bảo vệ Môi trường thực hiện, nay giao về Phòng Tài nguyên nước và Khí tượng thủy văn (KTTV) thực hiện cho phù hợp. Do đó, thay cụm danh từ “Chi cục Bảo vệ Môi trường” thành “Phòng Tài nguyên nước và KTTV.</p> <p>2. Phí, lệ phí: Điều chỉnh phí, lệ phí cho đúng với quy định tại Quyết định số 42/2012/QĐ-UBND ngày 28/12/2012 của UBND tỉnh Bình Phước ban hành mức thu một số loại phí, lệ phí trên địa bàn tỉnh</p> <p>3. Căn cứ pháp lý: điều chỉnh cho đúng với quy định mới</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thay Luật Bảo vệ Tài nguyên nước năm 1998 bằng Luật Tài nguyên nước năm 2012. - Thay Quyết định số 567/QĐ-UBND ngày 24/3/2008 của UBND tỉnh ban hành Danh mục và mức phí, lệ phí trên địa bàn tỉnh Bình Phước bằng Quyết định số 42/2012/QĐ-UBND ngày 28/12/2012 của UBND tỉnh Bình Phước ban hành mức thu một số loại phí, lệ phí trên địa bàn tỉnh.
2	Thủ tục gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép xả nước thải vào nguồn nước dưới 5.000m ³ /ngày đêm	<p>1. Trình tự thực hiện: Nhiệm vụ này trước đây giao Chi cục Bảo vệ Môi trường thực hiện, nay giao về Phòng Tài nguyên nước và KTTV thực hiện cho phù hợp. Do đó, thay cụm danh từ “Chi cục Bảo vệ Môi trường” thành “Phòng Tài nguyên nước và KTTV.</p> <p>2. Phí, lệ phí: Điều chỉnh phí, lệ phí cho đúng với quy định tại Quyết định số 42/2012/QĐ-UBND ngày 28/12/2012 của UBND tỉnh Bình Phước ban hành mức thu một số loại phí, lệ phí trên địa bàn tỉnh</p> <p>3. Căn cứ pháp lý: điều chỉnh cho đúng với quy định mới</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thay Luật Bảo vệ Tài nguyên nước năm 1998 bằng Luật Tài nguyên nước năm 2012. - Thay Quyết định số 567/QĐ-UBND ngày 24/3/2008

		của UBND tỉnh ban hành Danh mục và mức phí, lệ phí trên địa bàn tỉnh Bình Phước bằng Quyết định số 42/2012/QĐ-UBND ngày 28/12/2012 của UBND tỉnh Bình Phước ban hành mức thu một số loại phí, lệ phí trên địa bàn tỉnh.
3	Thủ tục cấp giấy phép thăm dò nước dưới đất đối với công trình có lưu lượng dưới 3.000m ³ /ngày đêm	<p>1. Phí, lệ phí: Điều chỉnh phí, lệ phí cho đúng với quy định tại Quyết định số 42/2012/QĐ-UBND ngày 28/12/2012 của UBND tỉnh Bình Phước ban hành mức thu một số loại phí, lệ phí trên địa bàn tỉnh</p> <p>2. Căn cứ pháp lý: điều chỉnh cho đúng với quy định mới</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thay Luật Bảo vệ Tài nguyên nước năm 1998 bằng Luật Tài nguyên nước năm 2012. - Thay Quyết định số 567/QĐ-UBND ngày 24/3/2008 của UBND tỉnh ban hành Danh mục và mức phí, lệ phí trên địa bàn tỉnh Bình Phước bằng Quyết định số 42/2012/QĐ-UBND ngày 28/12/2012 của UBND tỉnh Bình Phước ban hành mức thu một số loại phí, lệ phí trên địa bàn tỉnh.
4	Thủ tục cấp giấy phép khai thác, sử dụng nước dưới đất đối với công trình có lưu lượng dưới 3.000 m ³ /ngày đêm	<p>1. Phí, lệ phí: Điều chỉnh phí, lệ phí cho đúng với quy định tại Quyết định số 42/2012/QĐ-UBND ngày 28/12/2012 của UBND tỉnh Bình Phước ban hành mức thu một số loại phí, lệ phí trên địa bàn tỉnh</p> <p>2. Căn cứ pháp lý: điều chỉnh cho đúng với quy định mới</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thay Luật Bảo vệ Tài nguyên nước năm 1998 bằng Luật Tài nguyên nước năm 2012. - Thay Quyết định số 567/QĐ-UBND ngày 24/3/2008 của UBND tỉnh ban hành Danh mục và mức phí, lệ phí trên địa bàn tỉnh Bình Phước bằng Quyết định số 42/2012/QĐ-UBND ngày 28/12/2012 của UBND tỉnh Bình Phước ban hành mức thu một số loại phí, lệ phí trên địa bàn tỉnh.
5	Thủ tục gia hạn, thay đổi thời hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép thăm dò nước dưới đất đối với công trình dưới 3.000 m ³ /ngày đêm	<p>1. Phí, lệ phí: Điều chỉnh phí, lệ phí cho đúng với quy định tại Quyết định số 42/2012/QĐ-UBND ngày 28/12/2012 của UBND tỉnh Bình Phước ban hành mức thu một số loại phí, lệ phí trên địa bàn tỉnh</p> <p>2. Căn cứ pháp lý: điều chỉnh cho đúng với quy định mới</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thay Luật Bảo vệ Tài nguyên nước năm 1998 bằng Luật Tài nguyên nước năm 2012. - Thay Quyết định số 567/QĐ-UBND ngày 24/3/2008 của UBND tỉnh ban hành Danh mục và mức phí, lệ phí trên địa bàn tỉnh Bình Phước bằng Quyết định số 42/2012/QĐ-UBND ngày 28/12/2012 của UBND tỉnh Bình Phước ban hành mức thu một số loại phí, lệ phí trên địa bàn tỉnh.
6	Thủ tục gia hạn, thay đổi thời hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép khai thác,	<p>1. Phí, lệ phí: Điều chỉnh phí, lệ phí cho đúng với quy định tại Quyết định số 42/2012/QĐ-UBND ngày 28/12/2012 của UBND tỉnh Bình Phước ban hành mức</p>

	sử dụng nước dưới đất đối với công trình có lưu lượng dưới 3.000m ³ /ngày đêm	<p>thu một số loại phí, lệ phí trên địa bàn tỉnh</p> <p>2. Căn cứ pháp lý: điều chỉnh cho đúng với quy định mới</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thay Luật Bảo vệ Tài nguyên nước năm 1998 bằng Luật Tài nguyên nước năm 2012. - Thay Quyết định số 567/QĐ-UBND ngày 24/3/2008 của UBND tỉnh ban hành Danh mục và mức phí, lệ phí trên địa bàn tỉnh Bình Phước bằng Quyết định số 42/2012/QĐ-UBND ngày 28/12/2012 của UBND tỉnh Bình Phước ban hành mức thu một số loại phí, lệ phí trên địa bàn tỉnh.
7	Thủ tục cấp giấy phép khai thác, sử dụng nước mặt dưới 2m ³ /giây (đối với sản xuất nông nghiệp), dưới 2.000kw (đối với phát điện), dưới 50.000m ³ /ngày đêm (đối với mục đích khác)	<p>1. Phí, lệ phí: Điều chỉnh phí, lệ phí cho đúng với quy định tại Quyết định số 42/2012/QĐ-UBND ngày 28/12/2012 của UBND tỉnh Bình Phước ban hành mức thu một số loại phí, lệ phí trên địa bàn tỉnh</p> <p>2. Căn cứ pháp lý: điều chỉnh cho đúng với quy định mới</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thay Luật Bảo vệ Tài nguyên nước năm 1998 bằng Luật Tài nguyên nước năm 2012. - Thay Quyết định số 567/QĐ-UBND ngày 24/3/2008 của UBND tỉnh ban hành Danh mục và mức phí, lệ phí trên địa bàn tỉnh Bình Phước bằng Quyết định số 42/2012/QĐ-UBND ngày 28/12/2012 của UBND tỉnh Bình Phước ban hành mức thu một số loại phí, lệ phí trên địa bàn tỉnh.
8	Thủ tục gia hạn, thay đổi thời hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép khai thác, sử dụng nước mặt dưới 2m ³ /giây (đối với sản xuất nông nghiệp), dưới 2.000kw (đối với phát điện), dưới 50.000m ³ /ngày đêm (đối với mục đích khác)	<p>1. Phí, lệ phí: Điều chỉnh phí, lệ phí cho đúng với quy định tại Quyết định số 42/2012/QĐ-UBND ngày 28/12/2012 của UBND tỉnh Bình Phước ban hành mức thu một số loại phí, lệ phí trên địa bàn tỉnh</p> <p>2. Căn cứ pháp lý: điều chỉnh cho đúng với quy định mới</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thay Luật Bảo vệ Tài nguyên nước năm 1998 bằng Luật Tài nguyên nước năm 2012. - Thay Quyết định số 567/QĐ-UBND ngày 24/3/2008 của UBND tỉnh ban hành Danh mục và mức phí, lệ phí trên địa bàn tỉnh Bình Phước bằng Quyết định số 42/2012/QĐ-UBND ngày 28/12/2012 của UBND tỉnh Bình Phước ban hành mức thu một số loại phí, lệ phí trên địa bàn tỉnh.
9	Thủ tục cấp giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất quy mô vừa và nhỏ	<p>1. Phí, lệ phí: Điều chỉnh phí, lệ phí cho đúng với quy định tại Quyết định số 42/2012/QĐ-UBND ngày 28/12/2012 của UBND tỉnh Bình Phước ban hành mức thu một số loại phí, lệ phí trên địa bàn tỉnh</p> <p>2. Căn cứ pháp lý: điều chỉnh cho đúng với quy định mới</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thay Luật Bảo vệ Tài nguyên nước năm 1998 bằng Luật Tài nguyên nước năm 2012. - Thay Quyết định số 567/QĐ-UBND ngày 24/3/2008 của UBND tỉnh ban hành Danh mục và mức phí, lệ phí trên địa bàn tỉnh Bình Phước bằng Quyết định số



		42/2012/QĐ-UBND ngày 28/12/2012 của UBND tỉnh Bình Phước ban hành mức thu một số loại phí, lệ phí trên địa bàn tỉnh.
10	Thủ tục gia hạn, thay đổi thời hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất quy mô vừa và nhỏ	<p>1. Phí, lệ phí: Điều chỉnh phí, lệ phí cho đúng với quy định tại Quyết định số 42/2012/QĐ-UBND ngày 28/12/2012 của UBND tỉnh Bình Phước ban hành mức thu một số loại phí, lệ phí trên địa bàn tỉnh</p> <p>2. Căn cứ pháp lý: điều chỉnh cho đúng với quy định mới</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thay Luật Bảo vệ Tài nguyên nước năm 1998 bằng Luật Tài nguyên nước năm 2012. - Thay Quyết định số 567/QĐ-UBND ngày 24/3/2008 của UBND tỉnh ban hành Danh mục và mức phí, lệ phí trên địa bàn tỉnh Bình Phước bằng Quyết định số 42/2012/QĐ-UBND ngày 28/12/2012 của UBND tỉnh Bình Phước ban hành mức thu một số loại phí, lệ phí trên địa bàn tỉnh.
11	Thủ tục cấp lại giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất quy mô vừa và nhỏ	<p>1. Phí, lệ phí: Điều chỉnh phí, lệ phí cho đúng với quy định tại Quyết định số 42/2012/QĐ-UBND ngày 28/12/2012 của UBND tỉnh Bình Phước ban hành mức thu một số loại phí, lệ phí trên địa bàn tỉnh</p> <p>2. Căn cứ pháp lý: điều chỉnh cho đúng với quy định mới</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thay Luật Bảo vệ Tài nguyên nước năm 1998 bằng Luật Tài nguyên nước năm 2012. - Thay Quyết định số 567/QĐ-UBND ngày 24/3/2008 của UBND tỉnh ban hành Danh mục và mức phí, lệ phí trên địa bàn tỉnh Bình Phước bằng Quyết định số 42/2012/QĐ-UBND ngày 28/12/2012 của UBND tỉnh Bình Phước ban hành mức thu một số loại phí, lệ phí trên địa bàn tỉnh.
II. Lĩnh vực Môi trường		
1	Thủ tục thẩm định thu phí bảo vệ môi trường đối với nước thải công nghiệp	<p>1. Về trình tự thực hiện: sửa đổi trình tự thực hiện theo quy định của văn bản mới</p> <p>2. Về thời gian giải quyết: điều chỉnh thời gian giải quyết là 22 ngày làm việc.</p> <p>3. Về mẫu đơn, mẫu tờ khai: Thay đổi mẫu đơn mẫu tờ khai</p> <p>4. Căn cứ pháp lý: Thay đổi căn cứ pháp lý.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nghị định số 25/2013/NĐ-CP ngày 29/3/2013 của Chính phủ về phí bảo vệ môi trường đối với nước thải. - Thông tư Liên tịch số 63/2013/TTLT-BTC-BTNMT ngày 15/5/2013 của Bộ Tài chính, Bộ Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn thực hiện Nghị định số 25/2013/NĐ-CP ngày 29/3/2013 của Chính phủ về phí bảo vệ môi trường đối với nước thải.

PHẦN HAI
NỘI DUNG CỤ THỂ CỦA TỪNG THỦ TỤC HÀNH CHÍNH
SAU KHI SỬA ĐỔI THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT
CỦA SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH BÌNH PHƯỚC

I. LĨNH VỰC TÀI NGUYÊN NƯỚC – KHÍ TƯỢNG THỦY VĂN

1. Thủ tục cấp giấy phép xả nước thải vào nguồn nước dưới 5.000m³/ngày đêm.

a) Trình tự thực hiện

- **Bước 1:** Tổ chức, cá nhân (gọi là chủ đầu tư) nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở Tài nguyên và Môi trường. Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả chuyển hồ sơ đến Phòng Tài nguyên nước và Khí tượng thủy văn (thời gian trong ngày làm việc);

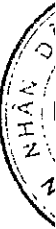
- **Bước 2:** Trong thời hạn 04 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ đáp ứng yêu cầu để thẩm định, Phòng Tài nguyên nước và Khí tượng thủy văn tham mưu lãnh đạo Sở Tài nguyên và Môi trường ban hành Quyết định thành lập Hội đồng thẩm định hồ sơ đề nghị cấp giấy phép xả nước thải vào nguồn nước. Trường hợp hồ sơ không đáp ứng yêu cầu để thẩm định phải thông báo bằng văn bản để chủ đầu tư chỉnh sửa, bổ sung;

- **Bước 3:** Trong thời hạn 13 ngày làm việc kể từ ngày ban hành Quyết định thành lập Hội đồng thẩm định hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép xả nước thải vào nguồn nước, Phòng Tài nguyên nước và Khí tượng thủy văn tham mưu lãnh đạo Sở Tài nguyên và Môi trường ban hành văn bản lấy ý kiến của các thành viên Hội đồng thẩm định và tổng hợp ý kiến thông báo cho chủ đầu tư biết để chỉnh sửa, bổ sung; trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được công văn lấy ý kiến của Sở Tài nguyên và Môi trường các thành viên Hội đồng thẩm định (cơ quan, tổ chức) được hỏi ý kiến có trách nhiệm trả lời bằng văn bản cho Sở Tài nguyên và Môi trường;

- **Bước 4:** Chủ đầu tư (hoặc đơn vị tư vấn) chỉnh sửa hồ sơ đề nghị cấp giấy phép xả nước thải vào nguồn nước.

- **Bước 5:** Chủ đầu tư nộp hồ sơ đã chỉnh sửa đến Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở Tài nguyên và Môi trường. Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả chuyển hồ sơ đến Phòng Tài nguyên nước - Khí tượng thủy văn (thời gian trong ngày làm việc);

- **Bước 6:** Trong thời hạn 04 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đã chỉnh sửa, Phòng Tài nguyên nước - Khí tượng thủy văn có trách nhiệm kiểm tra việc chỉnh sửa hồ sơ của chủ đầu tư theo yêu cầu của Hội đồng thẩm định, tham mưu lãnh đạo Sở Tài nguyên và Môi trường trình UBND tỉnh cấp giấy phép xả nước thải vào nguồn nước cho dự án. Trường hợp hồ sơ chỉnh sửa không đạt theo yêu cầu của Hội đồng thẩm định phải thông báo nêu rõ những điểm cần chỉnh sửa, bổ sung để chủ đầu tư hoàn thiện;



- **Bước 7:** Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được tờ trình đề nghị phê duyệt của Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND tỉnh xem xét cấp giấy phép xả nước thải vào nguồn nước cho dự án theo quy định;

- **Bước 8:** Chủ đầu tư nhận giấy phép xả nước thải vào nguồn nước tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở Tài nguyên và Môi trường.

b) Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ trực tiếp tại Sở Tài nguyên và Môi trường.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ

- 02 đơn đề nghị cấp giấy phép xả nước thải vào nguồn nước;

- 02 kết quả phân tích chất lượng nguồn nước nơi tiếp nhận nước thải theo quy định của Nhà nước tại thời điểm xin cấp phép;

- 02 quy định vùng bảo hộ vệ sinh (nếu có) do cơ quan có thẩm quyền quy định tại nơi dự kiến xả nước thải;

- 02 đề án xả nước thải vào nguồn nước, kèm theo quy trình vận hành hệ thống xử lý nước thải đối với trường hợp chưa có công trình xử lý nước thải; báo cáo hiện trạng xả nước thải, kèm theo kết quả phân tích thành phần nước thải và giấy xác nhận đã nộp phí bảo vệ môi trường đối với nước thải trong trường hợp đang xả nước thải và đã có công trình xử lý nước thải;

- 02 bản đồ vị trí khu vực xả nước thải vào nguồn nước tỷ lệ 1/10.000;

- 02 báo cáo đánh giá tác động môi trường (ĐTM) đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt hoặc Bản đăng ký đạt tiêu chuẩn môi trường (Bản cam kết bảo vệ môi trường) theo quy định của pháp luật bảo vệ môi trường;

- 02 giấy chứng nhận hoặc giấy tờ hợp lệ về quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai tại nơi đặt công trình xả nước thải; trường hợp đất nơi đặt công trình xả nước thải không thuộc thẩm quyền sử dụng của tổ chức, cá nhân xin phép thì phải có văn bản thỏa thuận cho sử dụng đất giữa tổ chức, cá nhân xả nước thải với tổ chức, cá nhân đang có quyền sử dụng đất được UBND xã, phường, nơi đặt công trình xác nhận;

- Hồ sơ nộp lại sau khi chỉnh sửa các ý kiến của Hội đồng thẩm định gồm:

+ 01 văn bản giải trình việc hoàn chỉnh Đề án xả nước thải vào nguồn nước.

+ 02 đề án xả nước thải vào nguồn nước đã được chỉnh sửa, bổ sung theo yêu cầu của cơ quan tổ chức việc thẩm định.

+ 01 đề án xả nước thải vào nguồn nước đã được chỉnh sửa, bổ sung theo yêu cầu của cơ quan tổ chức việc thẩm định ghi trên đĩa CD.

d) Thời hạn giải quyết: 27 ngày làm việc không kể thời gian chủ đầu tư (hoặc đơn vị tư vấn) chỉnh sửa hồ sơ.

e) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Cá nhân, tổ chức.

f) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Sở Tài nguyên và Môi trường.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy phép xả nước thải vào nguồn nước.

h) Lệ phí

- Phí thăm định Đề án xả nước thải vào nguồn nước:
- + Lưu lượng dưới $100\text{m}^3/\text{ngày đêm}$: 300.000 (đồng);
- + Lưu lượng từ $100\text{m}^3/\text{ngày đêm}$ đến dưới $500\text{m}^3/\text{ngày đêm}$: 750.000 (đồng);
- + Lưu lượng từ $500\text{m}^3/\text{ngày đêm}$ đến dưới $2.000\text{m}^3/\text{ngày đêm}$: 1.800.000 (đồng);
- + Lưu lượng từ $2.000\text{m}^3/\text{ngày đêm}$ đến dưới $5.000\text{m}^3/\text{ngày đêm}$: 3.700.000 (đồng).
- Lệ phí: 100.000 đồng.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Đơn đề nghị cấp giấy phép xả nước thải vào nguồn nước.

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: không.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính

- Luật Tài nguyên nước ngày 21/6/2012;
- Nghị định số 149/2004/NĐ-CP ngày 27 tháng 07 năm 2004 của Chính phủ quy định việc cấp phép thăm dò, khai thác, sử dụng tài nguyên nước, xả thải vào nguồn nước;
- Thông tư số 02/2005/TT-BTNMT ngày 24/06/2005 của Bộ Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn thực hiện Nghị định số 149/2004/NĐ-CP ngày 27/07/2004 của Chính phủ quy định việc cấp phép thăm dò, khai thác, sử dụng tài nguyên nước, xả nước thải vào nguồn nước;
- Quyết định số 42/2012/QĐ-UBND, ngày 28/12/2012 của UBND tỉnh Bình Phước ban hành mức thu một số loại phí, lệ phí trên địa bàn tỉnh.

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP
XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC**

Kính gửi:(1)

1. Tổ chức/cá nhân đề nghị cấp phép:

1.1. Tên tổ chức/cá nhân:.....(2)

1.2. Địa chỉ:.....(3)

1.3. Điện thoại:.....Fax:.....Email.....

1.4. Hoạt động xả nước thải vào nguồn nước.....(4)

2. Lý do đề nghị cấp phép:

.....
.....

3. Nội dung đề nghị cấp phép:

3.1. Nguồn nước tiếp nhận nước thải.....(5)

3.2. Vị trí nơi thả nước thải:

Thôn/ấp.....xã/phường.....huyện/quận.....tỉnh/thành phố.....

Toạ độ vị trí xả thải.....(6)

3.3. Phương thức xả nước thải:

- Mô tả phương thức xả nước thải:.....(7)

- Mô tả chế độ xả nước thải:.....(8)

- Lưu lượng xả trung bình: m^3 /ngày đêm; m^3 /h

- Lưu lượng xả lớn nhất: m^3 /ngày đêm; m^3 /h

3.4. Chất lượng nước thải:.....(9)

3.5. Thời gian xả nước thải vào nguồn nước:.....

4. Giấy tờ tài liệu nộp kèm theo đơn này gồm có:

.....(10)

(Tổ chức/cá nhân đề nghị cấp phép) đã sao gửi một (01) bộ hồ sơ tới Sở Tài nguyên và Môi trường(11)

Đề nghị (tên cơ quan cấp phép) xem xét cấp giấy phép xả nước thải vào nguồn nước cho (tên tổ chức/cá nhân đề nghị cấp phép).

(Tổ chức/cá nhân đề nghị cấp phép) cam kết chấp hành đúng nội dung quy định trong giấy phép và quy định của pháp luật có liên quan./.

.....ngày.....tháng.....năm.....

Xác nhận của UBND xã, phường
(Đối với tổ chức/cá nhân không có tư
cách pháp nhân và con dấu)

Tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép
Ký, ghi rõ họ tên, (đồng dấu, nếu có)

HƯỚNG DẪN VIẾT ĐƠN

(1) Tên cơ quan cấp phép: Bộ Tài nguyên và Môi trường hoặc UBND tỉnh (theo quy định tại Điều 13 của Nghị định số 149/2004/NĐ-CP).

(2) Tên tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép: đối với cá nhân ghi rõ họ, tên, số Chứng minh nhân dân, ngày và nơi cấp, cơ quan cấp; đối với tổ chức thì ghi tên tổ chức, ngày tháng, năm thành lập, số và ngày cơ quan ký quyết định thành lập hoặc số giấy đăng ký kinh doanh, giấy phép đầu tư của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

(3) Trụ sở của tổ chức hoặc nơi cư trú của cá nhân đề nghị cấp phép.

(4) Phần này chỉ áp dụng với trường hợp đã có hoạt động xả nước thải vào nguồn nước trước thời điểm xin cấp phép: cần nêu rõ cơ sở đã có công trình xử lý nước thải hay chưa có công trình xử lý nước thải; nếu có công trình xử lý nước thải thì phải nêu rõ năm bắt đầu vận hành công trình.

(5) Ghi rõ tên sông, suối, rạch, vùng biển ven bờ, hồ, đầm, ao đề nghị được phép xả nước thải vào nguồn nước.

(6) Ghi rõ toạ độ vị trí cửa xả nước thải theo hệ toạ độ VN 2000

(7) Nêu rõ xả nước thải theo phương thức bơm, tự chảy, xả ngầm, xả mặt, xả ven bờ, xả giữa hồ, sông....

(8) Nêu rõ chu kỳ xả nước thải, thời gian xả nước thải của một chu kỳ.

(9) Ghi rõ tên Tiêu chuẩn Việt Nam mà chất lượng nước thải đã đạt được (với trường hợp đang có hoạt động xả nước thải vào nguồn nước) hoặc sẽ đạt được (với trường hợp chưa xả nước thải vào nguồn nước). Trong trường hợp đang có hoạt động xả nước thải vào nguồn nước mà chất lượng nước thải chưa đạt Tiêu chuẩn Việt Nam hiện hành thì phải liệt kê thông số và nồng độ các chất ô nhiễm chưa đạt Tiêu chuẩn Việt Nam và cam kết thời hạn xử lý chất lượng nước thải đạt tiêu chuẩn Việt Nam hiện hành.

(10) Ghi rõ các giấy tờ, tài liệu kèm theo hồ sơ.

(11) Phần ghi này áp dụng cho trường hợp cơ quan tiếp nhận là Cục Quản lý tài nguyên nước; Tổ chức/cá nhân đề nghị cấp phép sao gửi một bộ hồ sơ tới Sở Tài nguyên và Môi trường nơi đề nghị xả nước thải vào nguồn nước.

Ghi chú: Hồ sơ đề nghị cấp phép gửi tới Cục Quản lý tài nguyên nước đối với trường hợp thuộc thẩm quyền cấp phép của Bộ Tài nguyên và Môi trường; gửi tới Sở Tài nguyên và Môi trường đối với trường hợp thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh/thành phố. (theo quy định tại Điều 13 của Nghị định số 149/2004/NĐ-CP).



2. Thủ tục gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép xả nước thải vào nguồn nước dưới 5.000m³/ngày đêm

a) Trình tự thực hiện

- **Bước 1:** Tổ chức, cá nhân (gọi là chủ đầu tư) nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở Tài nguyên và Môi trường. Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả chuyển hồ sơ đến Phòng Tài nguyên nước - Khí tượng thủy văn (thời gian trong ngày làm việc);

- **Bước 2:** Trong thời hạn 09 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ đáp ứng yêu cầu để thẩm định, Phòng Tài nguyên nước và Khí tượng thủy văn tham mưu lãnh đạo Sở Tài nguyên và Môi trường mời các cơ quan, tổ chức có liên quan tổ chức kiểm tra thực trạng việc xả nước thải vào nguồn nước của đơn vị làm cơ sở điều chỉnh cấp giấy phép. Trường hợp hồ sơ không đáp ứng yêu cầu để thẩm định phải thông báo bằng văn bản để chủ đầu tư chỉnh sửa, bổ sung;

- **Bước 3:** Chủ đầu tư nộp hồ sơ đã chỉnh sửa về Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở Tài nguyên và Môi trường. Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả chuyển hồ sơ đến Phòng Tài nguyên nước - Khí tượng thủy văn (thời gian trong ngày làm việc);

- **Bước 4:** Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ đã chỉnh sửa, bổ sung theo yêu cầu, Phòng Tài nguyên nước - Khí tượng thủy văn có trách nhiệm kiểm tra việc chỉnh sửa hồ sơ của chủ đầu tư và tham mưu lãnh đạo Sở Tài nguyên và Môi trường trình UBND tỉnh cấp giấy phép xả nước thải vào nguồn nước cho dự án. Trường hợp hồ sơ chỉnh sửa không đạt theo yêu cầu phải thông báo nêu rõ những điểm cần chỉnh sửa, bổ sung để chủ đầu tư hoàn thiện;

- **Bước 5:** Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được Tờ trình đề nghị gia hạn, thay đổi thời hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép của Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND tỉnh xem xét cấp giấy phép xả nước thải vào nguồn nước cho dự án theo quy định;

- **Bước 6:** Chủ đầu tư nhận giấy phép xả nước thải vào nguồn nước tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Văn phòng Sở Tài nguyên và Môi trường.

b) Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ trực tiếp tại Sở Tài nguyên và Môi trường.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ

- 02 đơn đề nghị gia hạn hoặc điều chỉnh nội dung giấy phép;
- 02 giấy phép đã được cấp;
- 02 kết quả phân tích chất lượng nguồn nước theo quy định của Nhà nước tại thời điểm xin gia hạn, thay đổi thời hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép;
- 02 báo cáo việc thực hiện các quy định trong giấy phép;
- 02 đề án thăm dò, khai thác, sử dụng tài nguyên nước, xả nước thải vào nguồn nước trong trường hợp đề nghị điều chỉnh nội dung giấy phép;

d) Thời hạn giải quyết: 20 ngày làm việc không kể thời gian chủ đầu tư (hoặc đơn vị tư vấn) chỉnh sửa hồ sơ.

e) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Cá nhân, tổ chức.

f) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Sở Tài nguyên và Môi trường.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định gia hạn hoặc điều chỉnh nội dung giấy phép xả nước thải vào nguồn nước.

h) Phí, Lệ phí

- Phí thẩm định Đề án xả nước thải vào nguồn nước (chỉ thu đối với trường hợp điều chỉnh nội dung giấy phép):

+ Lưu lượng dưới 200m³/ngày đêm: 150.000 đồng;

+ Lưu lượng từ 200m³ đến dưới 500m³/ngày đêm: 375.000 đồng;

+ Lưu lượng từ 500m³ đến dưới 2.000m³/ngày đêm: 900.000 đồng;

+ Lưu lượng từ 2.000m³ đến dưới 5.000m³/ngày đêm: 1.850.000 đồng.

- Lệ phí: 50.000 đồng.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Đơn đề nghị cấp giấy phép xả nước thải vào nguồn nước.

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính

- Giấy phép còn hiệu lực không ít hơn 03 tháng tại thời điểm xin gia hạn;

- Tại thời điểm xin gia hạn, chủ giấy phép đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ ghi trong giấy phép.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính

- Luật Tài nguyên nước ngày 21/6/2012;

- Nghị định số 149/2004/NĐ-CP ngày 27 tháng 07 năm 2004 của Chính phủ quy định việc cấp phép thăm dò, khai thác, sử dụng tài nguyên nước, xả thải vào nguồn nước;

- Thông tư số 02/2005/TT-BTNMT ngày 24/06/2005 của Bộ Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn thực hiện Nghị định số 149/2004/NĐ-CP ngày 27/07/2004 của Chính phủ quy định việc cấp phép thăm dò, khai thác, sử dụng tài nguyên nước, xả nước thải vào nguồn nước;

- Quyết định số 42/2012/QĐ-UBND, ngày 28/12/2012 của UBND tỉnh Bình Phước ban hành mức thu một số loại phí, lệ phí trên địa bàn tỉnh.

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ GIA HẠN/ĐIỀU CHỈNH NỘI DUNG
GIẤY PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC**

Kính gửi:.....(*tên cơ quan cấp phép*)

1. Tổ chức/cá nhân đề nghị gia hạn/điều chỉnh nội dung giấy phép:

- 1.1. Tên chủ giấy phép:.....
1.2. Địa chỉ:.....
1.3. Điện thoại.....fax:.....Email:.....
1.4. Giấy phép xả nước thải vào nguồn nước số.....do (*tên cơ quan đã cấp giấy
phép*).....ngày.....tháng.....năm.....

2. Lý do đề nghị gia hạn/điều chỉnh nội dung giấy phép:

.....
.....
.....
.....

3. Thời gian đề nghị gia hạn/nội dung đề nghị điều chỉnh giấy phép:

- Thời hạn đề nghị gia hạn:.....tháng/hoặc năm (*nếu đề nghị gia hạn*)
- Nội dung đề nghị điều chỉnh:.....(*nếu đề nghị điều chỉnh nội dung giấy phép*)

4. Giấy tờ tài liệu nộp kèm theo đơn này gồm có:

.....
.....
.....
.....

(*Chủ giấy phép*) cam kết chấp hành đúng nội dung quy định trong giấy phép và quy định của pháp luật có liên quan./.

....., ngàytháng.....năm.....

Tên chủ giấy phép

Ký, ghi rõ họ tên (đóng dấu nếu có)

3. Thủ tục cấp giấy phép thăm dò nước dưới đất đối với công trình có lưu lượng dưới 3000 m³/ngày đêm.

a) Trình tự thực hiện

- **Bước 1:** Tổ chức/cá nhân nộp hồ sơ tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở Tài nguyên và Môi trường. Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả kiểm tra hồ sơ đề nghị cấp giấy phép theo quy định tại điểm 2.1 mục 2, phần II của Thông tư số 02/2005/TT-BTNMT ngày 24/6/2005 của Bộ Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn thực hiện Nghị định số 149/2004/NĐ-CP. Trường hợp hồ sơ đề nghị cấp giấy phép chưa đầy đủ, không hợp lệ, Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả yêu cầu tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép hoàn chỉnh hồ sơ theo quy định.

- **Bước 2:** Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả chuyển hồ sơ hợp lệ đến Phòng Tài nguyên nước - Khí tượng thủy văn (thời gian trong ngày làm việc).

- **Bước 3:** Phòng Tài nguyên nước - Khí tượng thủy văn thẩm định hồ sơ.

+ Trường hợp hồ sơ đủ điều kiện cấp giấy phép, Phòng Tài nguyên nước và Khí tượng Thủy văn lập các thủ tục trình Lãnh đạo Sở tham mưu UBND tỉnh quyết định.

+ Trường hợp hồ sơ không đủ điều kiện, Phòng Tài nguyên nước và Khí tượng Thủy văn chuyển hồ sơ kèm theo văn bản nêu rõ lý do không đủ điều kiện đến bộ phận tiếp nhận và trả kết quả trả lại tổ chức/cá nhân.

Thời gian không quá 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ.

- **Bước 4:** Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được Tờ trình đề nghị cấp giấy phép của Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND tỉnh xem xét cấp giấy phép thăm dò nước dưới đất cho dự án theo quy định.

- **Bước 5:** Quyết định UBND tỉnh chuyển về Phòng Tài nguyên nước – Khí tượng thủy văn vào sổ theo dõi, sau đó chuyển Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả trả kết quả cho tổ chức, công dân (thời gian 02 ngày làm việc).

b) Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ trực tiếp tại Sở Tài nguyên và Môi trường.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ: hồ sơ được lập thành 02 bộ, bao gồm:

- Đơn đề nghị cấp giấy phép;

- Đề án thăm dò nước dưới đất đối với công trình có lưu lượng từ 200 m³/ngày đêm trở lên; thiết kế giếng thăm dò đối với công trình có lưu lượng nhỏ hơn 200 m³/ngày đêm;

d) Thời hạn giải quyết: 15 ngày làm việc.

e) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân.

f) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Sở Tài nguyên và Môi trường.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy phép.

h) Phí, lệ phí:

- Phí thẩm định đề án thăm dò khai thác sử dụng nước dưới đất:

+ Lưu lượng dưới 200m³/ngày đêm: 150.000 đồng;

+ Lưu lượng từ 200m³ đến dưới 500m³/ngày đêm: 450.000 đồng;

- + Lưu lượng từ 500m³ đến dưới 1.000m³/ngày đêm: 1.200.000 đồng;
- + Lưu lượng từ 1.000m³ đến dưới 3.000m³/ngày đêm: 2.200.000 đồng.
- Lệ phí cấp giấy phép thăm dò khai thác, sử dụng nước dưới đất: 100.000 đồng.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Đơn đề nghị cấp giấy phép thăm dò nước dưới đất.

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Tài nguyên nước ngày 21/6/2012;
- Nghị định số 149/2004/NĐ-CP ngày 27/7/2004 của Chính phủ quy định việc cấp phép thăm dò, khai thác, sử dụng tài nguyên nước, xả nước thải vào nguồn nước;
- Nghị định số 38/2011/NĐ-CP ngày 26/5/2011 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều quy định về thủ tục hành chính của Nghị định số 181/2004/NĐ-CP ngày 29/10/2004; Nghị định số 149/2004/NĐ-CP ngày 27/7/2004 và Nghị định số 160/2005/NĐ-CP ngày 27/5/2005;
- Thông tư số 02/2005/TT-BTNMT ngày 24/6/2005 hướng dẫn thực hiện Nghị định số 149/2004/NĐ-CP ngày 27/7/2004 của Chính phủ quy định việc cấp phép thăm dò, khai thác, sử dụng tài nguyên nước, xả nước thải vào nguồn nước;
- Quyết định số 57/2006/QĐ-UBND ngày 09/5/2006 của UBND tỉnh Bình Phước ban hành Quy định quy mô khai thác, sử dụng tài nguyên nước, xả nước thải vào nguồn nước trong phạm vi gia đình không phải xin phép, vùng khai thác nước dưới đất phải đăng ký, chiều sâu giếng phải đăng ký trên địa bàn tỉnh Bình Phước;
- Quyết định số 42/2012/QĐ-UBND ngày 28/12/2012 của UBND tỉnh ban hành mức thu một số loại phí, lệ phí trên địa bàn tỉnh Bình Phước;
- Quyết định số 67/QĐ-UBND ngày 23/6/2006 của UBND tỉnh Bình Phước về việc phê duyệt đề án cải cách thủ tục hành chính theo Quy chế tiếp nhận và trả kết quả của Sở Tài nguyên và Môi trường.

Mẫu đơn, tờ khai đính kèm

Mẫu số 01/NĐĐ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP
THĂM DÒ NƯỚC DƯỚI ĐẤT**

Kính gửi:(1)

1. Tổ chức/cá nhân đề nghị cấp phép:

1.1. Tên tổ chức/cá nhân:.....(2)

1.2. Địa chỉ:.....(3)

1.3. Điện thoại:..... Fax:..... Email.....

2. Lý do đề nghị cấp phép:.....

3. Nội dung đề nghị cấp phép:

3.1. Mục đích, quy mô thăm dò:.....(4)

3.2. Vị trí khu vực thăm dò:.....(5)

3.3. Diện tích thăm dò:.....(km²)

3.4. Tầng chứa nước thăm dò:.....

3.5. Thời gian thi công.....tháng/năm.

3.6. Đơn vị lập đề án và dự kiến thi công.....(6)

4. Giấy tờ tài liệu nộp kèm theo đơn này gồm có:

.....

.....(7)

(tên tổ chức/cá nhân đề nghị cấp phép) đã sao gửi một (01) bộ hồ sơ tới Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh/thành phố.....(8)

Đề nghị (tên cơ quan cấp phép) xem xét, phê duyệt đề án và cấp giấy phép thăm dò nước dưới đất cho (tên tổ chức/cá nhân đề nghị cấp phép).

(tổ chức/cá nhân đề nghị cấp phép) cam kết chấp hành đúng nội dung quy định trong giấy phép và quy định của pháp luật có liên quan./.

.....ngày.....tháng.....năm.....

Tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép

Ký, ghi rõ họ tên, (đóng dấu nếu có)

HƯỚNG DẪN VIẾT ĐƠN

(1) Tên cơ quan cấp phép: Bộ Tài nguyên và Môi trường hoặc UBND tỉnh (theo quy định tại Điều 13 của Nghị định số 149/2004/NĐ-CP)

(2) Tên tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép: đối với cá nhân ghi rõ họ, tên, số Chứng minh nhân dân, ngày và nơi cấp; đối với tổ chức thì ghi tên tổ chức, ngày tháng, năm thành lập, số và ngày cơ quan ký quyết định thành lập hoặc số giấy đăng ký kinh doanh, giấy phép đầu tư của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

(3) Trụ sở của tổ chức hoặc nơi cư trú của cá nhân đề nghị cấp phép.

(4) Nêu rõ mục đích thăm dò nước dưới đất; cấp nước cho sinh hoạt, công nghiệp, tưới, nuôi trồng thủy sản...; lưu lượng khai thác dự kiến...m³/ngày.

(5) Ghi rõ thôn/ấp....xã/phường....huyện/quận....tỉnh/thành phố..., tọa độ các góc diện tích khu vực thăm dò (theo hệ VN2000).

(6) Nêu rõ đơn vị dự kiến thi công thăm dò (đơn vị thi công phải có giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất).

(7) Ghi rõ các giấy tờ, tài liệu kèm theo hồ sơ.

(8) Tổ chức/cá nhân gửi 01 bộ hồ sơ tới Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh/thành phố nơi đặt công trình thăm dò khai thác nước (trường hợp cơ quan tiếp nhận hồ sơ là Cục Quản lý tài nguyên nước).

4. Thủ tục cấp giấy phép khai thác, sử dụng nước dưới đất đối với công trình có lưu lượng dưới 3.000m³/ngày đêm

a) Trình tự thực hiện

* Đối với trường hợp đã có giếng khai thác

- **Bước 1:** Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở Tài nguyên và Môi trường. Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả kiểm hồ sơ đề nghị cấp giấy phép theo quy định tại điểm 2.2 mục 2, phần II của Thông tư số 02/2005/TT-BTNMT ngày 24/6/2005 của Bộ Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn thực hiện Nghị định số 149/2004/NĐ-CP. Trường hợp hồ sơ đề nghị cấp giấy phép chưa đầy đủ, không hợp lệ, Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả yêu cầu tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép hoàn chỉnh hồ sơ theo quy định;

- **Bước 2:** Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả chuyển hồ sơ cho Phòng Tài nguyên nước – Khí tượng thủy văn (thời gian không quá 01 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ từ tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép);

- **Bước 3:** Phòng Tài nguyên nước – Khí tượng thủy văn thẩm định hồ sơ;

Trường hợp hồ sơ đủ điều kiện cấp giấy phép, Phòng Tài nguyên nước và Khí tượng thủy văn lập các thủ tục trình Lãnh đạo Sở tham mưu UBND tỉnh quyết định.

Trường hợp hồ sơ không đủ điều kiện, Phòng Tài nguyên nước và Khí tượng thủy văn chuyển hồ sơ kèm theo văn bản nêu rõ lý do không đủ điều kiện đến bộ phận tiếp nhận và trả kết quả trả lại tổ chức, cá nhân.

Thời gian không quá 12 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ.

- **Bước 4:** UBND tỉnh xem xét, quyết định việc cấp phép (thời gian không quá 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ);

- **Bước 5:** Quyết định UBND tỉnh chuyển về Phòng Tài nguyên nước – Khí tượng thủy văn vào sổ theo dõi, sau đó chuyển Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả để trả kết quả cho tổ chức, công dân (thời gian không quá 02 ngày làm việc).

* Đối với trường hợp chưa có giếng khai thác

- **Bước 1:** Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở Tài nguyên và Môi trường;

- **Bước 2:** Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả chuyển hồ sơ cho Phòng Tài nguyên nước - Khí tượng thủy văn (thời gian không quá 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ);

- **Bước 3:** Phòng Tài nguyên nước – Khí tượng thủy văn thẩm định;

+ Trường hợp hồ sơ đủ điều kiện, Phòng Tài nguyên nước và Khí tượng thủy văn lập các thủ tục trình Lãnh đạo Sở tham mưu UBND tỉnh quyết định;

+ Trường hợp hồ sơ không đủ điều kiện, Phòng Tài nguyên nước và Khí tượng thủy văn chuyển hồ sơ kèm theo văn bản nêu rõ lý do không đủ điều kiện đến bộ phận tiếp nhận và trả kết quả trả lại tổ chức/cá nhân. (Thời gian không quá 07 ngày làm việc);

- **Bước 4:** UBND tỉnh xem xét, quyết định cho phép thi công giếng khai thác (thời gian không quá 05 ngày làm việc);

- **Bước 5:** Văn bản cho phép thi công giếng khai thác của UBND tỉnh chuyển về Phòng Tài nguyên nước – Khí tượng thủy văn vào sổ theo dõi, chuyển Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả gửi cho tổ chức/cá nhân (thời gian không quá 02 ngày làm việc);

- Cấp giáp phép khai thác.

+ **Bước 1:** Sau khi thi công xong giếng khai thác, tổ chức, cá nhân bổ sung tài liệu thi công giếng khai thác cho Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả;

+ **Bước 2:** Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả chuyển hồ sơ cho Phòng Tài nguyên nước – Khí tượng thủy văn (thời gian không quá 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ);

+ **Bước 3:** Phòng Tài nguyên nước - Khí tượng thủy văn thẩm định hồ sơ;

Trường hợp hồ sơ đủ điều kiện, Phòng Tài nguyên nước và Khí tượng thủy văn lập các thủ tục trình Lãnh đạo Sở tham mưu UBND tỉnh quyết định.

Trường hợp hồ sơ không đủ điều kiện, Phòng Tài nguyên nước và Khí tượng thủy văn chuyển hồ sơ kèm theo văn bản nêu rõ lý do không đủ điều kiện đến bộ phận tiếp nhận và trả kết quả gửi lại tổ chức/cá nhân.

Thời gian không quá 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ

+ **Bước 4:** UBND tỉnh xem xét, quyết định cấp giấy phép khai thác (thời gian không quá 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ);

+ **Bước 5:** Giấy phép khai thác của UBND tỉnh chuyển về Phòng Tài nguyên nước và Khí tượng thủy văn vào sổ theo dõi, chuyển Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả để trả kết quả cho tổ chức, công dân (thời gian không quá 02 ngày làm việc).

b) Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ trực tiếp tại Sở Tài nguyên và Môi trường

c) Thành phần, số lượng hồ sơ: hồ sơ được lập thành 02 bộ bao gồm:

** C1: Đối với trường hợp đã có công trình khai thác:*

- Đơn đề nghị cấp giấy phép;

- Bản đồ khu vực và vị trí công trình khai thác nước dưới đất tỷ lệ 1/50.000 đến 1/25.000 theo hệ tọa độ VN 2.000;

- Báo cáo hiện trạng khai thác;

- Kết quả phân tích chất lượng nguồn nước cho mục đích sử dụng theo quy định tại thời điểm xin cấp phép;

- Bản sao có chứng thực hoặc bản sao chụp kèm theo bản chính để đối chiếu hoặc bản sao chụp có xác nhận của cơ quan, tổ chức đăng ký cấp phép của một trong các loại giấy tờ liên quan đến quyền sử dụng đất nơi đặt giếng khai thác như sau:

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất;

- Các giấy tờ hợp lệ khác về quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai;

Trường hợp đất nơi đặt giếng khai thác không thuộc quyền sử dụng đất của tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép thì phải có văn bản thỏa thuận cho sử dụng đất giữa tổ chức, cá nhân khai thác với tổ chức, cá nhân đang có quyền sử dụng đất;

C2: Đối với trường hợp chưa có công trình khai thác:

Bước 1: Lập thủ tục cấp phép thăm dò nước dưới đất

- Đơn đề nghị cấp giấy phép;
- Đề án thăm dò nước dưới đất (đối với công trình có lưu lượng từ $200\text{m}^3/\text{ngày}$ đêm đến dưới $3000\text{m}^3/\text{ngày}$ đêm); thiết kế giếng thăm dò (đối với công trình có lưu lượng dưới $200\text{m}^3/\text{ngày}$ đêm);

Bước 2: Lập thủ tục cấp phép khai thác nước dưới đất

- Đơn đề nghị cấp giấy phép;
- Bản đồ khu vực và vị trí công trình khai thác nước dưới đất tỷ lệ 1/50.000 đến 1/25.000 theo hệ tọa độ VN 2.000;
- Báo cáo kết quả thi công giếng khai thác nước dưới đất (đối với công trình có lưu lượng dưới $200\text{m}^3/\text{ngày}$ đêm); Báo cáo kết quả thăm dò đánh giá trữ lượng nước dưới đất (đối với công trình có lưu lượng từ $200\text{m}^3/\text{ngày}$ đêm đến dưới $3.000\text{m}^3/\text{ngày}$ đêm);
- Kết quả phân tích chất lượng nguồn nước cho mục đích sử dụng theo quy định tại thời điểm xin cấp phép;
- Bản sao có chứng thực hoặc bản sao chụp kèm theo bản chính để đối chiếu hoặc bản sao chụp có xác nhận của cơ quan, tổ chức đăng ký cấp phép của một trong các loại giấy tờ liên quan đến quyền sử dụng đất nơi đặt giếng khai thác như sau:

+ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

+ Các giấy tờ hợp lệ khác về quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai.

Trường hợp đất nơi đặt giếng khai thác không thuộc quyền sử dụng đất của tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép thì phải có văn bản thỏa thuận cho sử dụng đất giữa tổ chức, cá nhân khai thác với tổ chức, cá nhân đang có quyền sử dụng đất;

d) Thời hạn giải quyết:

- Trường hợp đã có giếng khai thác: 20 ngày làm việc.
- Trường hợp chưa có giếng khai thác: 30 ngày làm việc.

e) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân.

f) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Sở Tài nguyên và Môi trường.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy phép.

h) Phí, lệ phí:

- Phí thăm định đề án, báo cáo khai thác, sử dụng nước dưới đất:
 - + Lưu lượng dưới $200\text{m}^3/\text{ngày}$ đêm: 150.000 đồng;
 - + Lưu lượng từ 200m^3 đến dưới $500\text{m}^3/\text{ngày}$ đêm: 450.000 đồng;
 - + Lưu lượng từ 500m^3 đến dưới $1000\text{m}^3/\text{ngày}$ đêm: 1.200.000 đồng;

- + Lưu lượng từ 1000m³ đến dưới 3000m³/ngày đêm: 2.200.000 đồng.
- Phí thăm định Báo cáo kết quả thăm dò đánh giá trữ lượng nước dưới đất:
- + Lưu lượng dưới 200m³/ngày đêm: 150.000 đồng;
- + Lưu lượng từ 200m³ dưới 500m³/ngày đêm: 600.000 đồng;
- + Lưu lượng từ 500m³ đến dưới 1.000m³/ngày đêm: 1.500.000 đồng;
- + Lưu lượng từ 1.000m³ đến dưới 3.000m³/ngày đêm: 3.000.000 đồng.
- Lệ phí: 100.000 đồng.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Đơn đề nghị cấp giấy phép khai thác/ thăm dò nước dưới đất.

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Tài nguyên nước ngày 21/6/2012;
- Nghị định số 149/2004/NĐ-CP ngày 27/7/2004 của Chính phủ quy định việc cấp phép thăm dò, khai thác, sử dụng tài nguyên nước, xả nước thải vào nguồn nước;
- Nghị định số 38/2011/NĐ-CP ngày 26/5/2011 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều quy định về thủ tục hành chính của Nghị định số 181/2004/NĐ-CP ngày 29/10/2004, Nghị định số 149/2004/NĐ-CP ngày 27/7/2004 và Nghị định số 160/2005/NĐ-CP ngày 27/5/2005;
- Thông tư số 02/2005/TT-BTNMT ngày 24/6/2005 của Bộ Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn thực hiện Nghị định số 149/2004/NĐ-CP ngày 27 tháng 7 năm 2004 của Chính phủ quy định việc cấp phép thăm dò, khai thác, sử dụng tài nguyên nước, xả nước thải vào nguồn nước;
- Quyết định số 57/2006/QĐ-UBND ngày 09/5/2006 của UBND tỉnh Bình Phước ban hành Quy định quy mô khai thác, sử dụng tài nguyên nước, xả nước thải vào nguồn nước trong phạm vi gia đình không phải xin phép, vùng khai thác nước dưới đất phải đăng ký, chiều sâu giếng phải đăng ký trên địa bàn tỉnh Bình Phước;
- Quyết định số 42/2012/QĐ-UBND ngày 28/12/2012 của UBND tỉnh ban hành mức thu một số loại phí, lệ phí trên địa bàn tỉnh Bình Phước;
- Quyết định số 67/QĐ-UBND ngày 23/6/2006 của UBND tỉnh Bình Phước về việc phê duyệt đề án cải cách thủ tục hành chính theo Quy chế tiếp nhận và trả kết quả của Sở Tài nguyên và Môi trường.

Mẫu đơn, tờ khai đính kèm

Mẫu số 05/NĐĐ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP

KHAI THÁC NƯỚC DƯỚI ĐẤT

Kính gửi:.....(1)

1. Tổ chức/cá nhân đề nghị cấp phép:

1.1. Tên tổ chức/cá nhân.....(2)

1.2. Địa chỉ:.....(3)

1.3. Điện thoại:.....Fax:Email:.....

2. Lý do đề nghị cấp phép:

3. Nội dung đề nghị cấp phép:

3.1. Mục đích khai thác, sử dụng.....(4)

3.2. Tầng chứa nước khai thác.....(hoặc mạch lộ/hành lang/hang động.....)

3.3. Vị trí công trình khai thác:.....(5)

3.4 Số giếng khai thác.....(hoặc số mạch/hành lang/hang động khai thác)

3.5. Tổng lượng nước khai thác.....(m³/ngày đêm)

3.6. Chế độ khai thác.....(giờ/ngày đêm)

3.7. Thời gian khai thác, sử dụng :năm

Số hiệu, vị trí và thông số cụ thể của từng giếng khai thác cụ thể như sau:

Số hiệu giếng	Tọa độ		Lưu lượng (m ³ /ngày)	Chế độ khai thác (giờ/ngày)	Chiều sâu đặt ống lọc (m)		Chiều sâu mực nước tĩnh (m)	Chiều sâu mực nước động cho phép (m)
	X	Y			Từ	Đến		

4. Giấy tờ tài liệu nộp kèm theo đơn này gồm có:

.....(6)

Đề nghị (cơ quan cấp phép) xem xét, cấp giấy phép cho (tổ chức/cá nhân đề nghị cấp phép).

(Tổ chức/cá nhân đề nghị cấp phép) cam kết chấp hành đúng nội dung quy định trong giấy phép và quy định của pháp luật có liên quan./.

....., ngày.....tháng.....năm.....

Tên tổ chức/cá nhân đề nghị cấp phép
(Ký, ghi rõ họ tên đóng dấu nếu có)

HƯỚNG DẪN VIẾT ĐƠN

(1) Tên cơ quan cấp phép: UBND tỉnh (theo quy định tại Điều 13 của Nghị định số 149/2004/NĐ-CP).

(2) Tên tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép: đối với cá nhân ghi rõ họ, tên, số Chứng minh nhân dân, ngày và nơi cấp, cơ quan cấp; đối với tổ chức thì ghi tên tổ chức, ngày tháng, năm thành lập, số và ngày cơ quan ký quyết định thành lập hoặc số giấy đăng ký kinh doanh, giấy phép đầu tư của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

(3) Trụ sở của tổ chức hoặc nơi cư trú của cá nhân đề nghị cấp phép.

(4) Ghi cụ thể mục đích khai thác, sử dụng nước, ví dụ: cấp nước sinh hoạt, công nghiệp, tưới, khai khoáng, nuôi trồng thủy sản,..; Nếu cấp nước cho nhiều mục đích thì nêu cụ thể lượng nước cấp cho từng mục đích sử dụng.

(5) Ghi rõ vị trí công trình khai thác (thôn/ấp.....xã/phường.....huyện/quận.....tỉnh/ thành phố), thuộc phạm vi đất được giao, được thuê hoặc được sử dụng để đặt công trình khai thác.

5. Thủ tục gia hạn, thay đổi thời hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép thăm dò nước dưới đất đối với công trình dưới 3000 m³/ngày đêm.

a) Trình tự thực hiện

- **Bước 1:** Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở Tài nguyên và Môi trường. Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả kiểm tra hồ sơ đề nghị cấp gia hạn, thay đổi thời hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép thăm dò nước dưới đất theo quy định tại điểm 2.5, mục 2, phần II của Thông tư số 02/2005/TT-BTNMT ngày 24/6/2005 của Bộ Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn thực hiện Nghị định số 149/2004/NĐ-CP. Trường hợp hồ sơ đề nghị cấp giấy phép chưa đầy đủ, không hợp lệ, Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả yêu cầu tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép hoàn chỉnh hồ sơ theo quy định;

- **Bước 2:** Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả chuyển hồ sơ hợp lệ cho Phòng Tài nguyên nước - Khí tượng thủy văn (thời gian trong ngày làm việc);

- **Bước 3:** Phòng Tài nguyên nước - Khí tượng thủy văn thẩm định hồ sơ;

+ Trường hợp hồ sơ đủ điều kiện cấp giấy phép, Phòng Tài nguyên nước và Khí tượng thủy văn lập các thủ tục trình Lãnh đạo Sở tham mưu UBND tỉnh quyết định;

+ Trường hợp hồ sơ không đủ điều kiện, Phòng Tài nguyên nước và Khí tượng thủy văn chuyển hồ sơ kèm theo văn bản nêu rõ lý do không đủ điều kiện đến bộ phận tiếp nhận và trả kết quả trả lại tổ chức/cá nhân (Thời gian 7 ngày làm việc);

- **Bước 4:** UBND tỉnh xem xét, quyết định cấp giấy phép khai thác (thời gian không quá 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ);

- **Bước 5:** Quyết định UBND tỉnh chuyển về Phòng Tài nguyên nước - Khí tượng thủy văn vào sổ theo dõi, sau đó chuyển Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả để trả kết quả cho tổ chức, công dân (thời gian 2 ngày làm việc).

b) Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ trực tiếp tại Sở Tài nguyên và Môi trường.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ: Hồ sơ được lập thành 02 bộ, bao gồm:

- Đơn đề nghị gia hạn/ điều chỉnh nội dung giấy phép;

- Giấy phép đã được cấp;

- Kết quả phân tích chất lượng nguồn nước theo quy định của nhà nước tại thời điểm xin gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép;

- Báo cáo việc thực hiện các quy định trong giấy phép;

- Đề án thăm dò nước dưới đất (trường hợp điều chỉnh nội dung giấy phép);

Mẫu hồ sơ đề nghị gia hạn, thay đổi thời hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép thăm dò, khai thác, sử dụng tài nguyên nước, xả nước thải vào nguồn nước được quy định tại mục V trong Danh mục mẫu hồ sơ cấp phép kèm theo Thông tư số 02/2005/TT-BTNMT ngày 24/6/2005 của Bộ Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn thực hiện Nghị định số 149/2004/NĐ-CP ngày 27/7/2004 của Chính phủ quy định việc cấp phép thăm dò, khai thác, sử dụng tài nguyên nước, xả nước thải vào nguồn nước.



d) **Thời hạn giải quyết:** 15 ngày làm việc.

e) **Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Tổ chức, cá nhân.

f) **Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:** Sở Tài nguyên- Môi trường.

g) **Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Quyết định hành chính.

h) **Phí, lệ phí:**

- Phí thẩm định đề án, báo cáo thăm dò nước dưới đất (trường hợp có điều chỉnh nội dung giấy phép):

+ Lưu lượng dưới 200m³/ngày đêm: 75.000 đồng;

+ Lưu lượng từ 200m³ đến dưới 500m³/ngày đêm: 225.000 đồng;

+ Lưu lượng từ 500m³ đến dưới 1.000m³/ngày đêm: 600.000 đồng;

+ Lưu lượng từ 1.000m³ đến dưới 3.000m³/ngày đêm: 1.100.000 đồng.

- Lệ phí: 50.000 đồng.

i) **Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Đơn đề nghị gia hạn/điều chỉnh nội dung giấy phép thăm dò nước dưới đất

k) **Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính**

- Giấy phép còn hiệu lực không ít hơn 03 tháng tại thời điểm xin gia hạn;

- Tại thời điểm xin gia hạn, chủ giấy phép đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ ghi trong giấy phép.

l) **Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Luật Tài nguyên nước ngày 21/6/2012;

- Nghị định số 149/2004/NĐ-CP ngày 27/7/2004 của Chính phủ quy định việc cấp phép thăm dò, khai thác, sử dụng tài nguyên nước, xả nước thải vào nguồn nước;

- Nghị định số 38/2011/NĐ-CP ngày 26/5/2011 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều quy định về thủ tục hành chính của Nghị định số 181/2004/NĐ-CP ngày 29/10/2004, Nghị định số 149/2004/NĐ-CP ngày 27/7/2004 và Nghị định số 160/2005/NĐ-CP ngày 27/5/2005;

- Thông tư số 02/2005/TT-BTNMT ngày 24/6/2005 của Bộ Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn thực hiện Nghị định số 149/2004/NĐ-CP ngày 27/7/2004 của Chính phủ quy định việc cấp phép thăm dò, khai thác, sử dụng tài nguyên nước, xả nước thải vào nguồn nước;

- Quyết định số 42/2012/QĐ-UBND ngày 28/12/2012 của UBND tỉnh ban hành mức thu một số loại phí, lệ phí trên địa bàn tỉnh Bình Phước;

- Quyết định số 57/2006/QĐ-UBND ngày 09/5/2006 của UBND tỉnh Bình Phước ban hành Quy định quy mô khai thác, sử dụng tài nguyên nước, xả nước thải vào nguồn nước trong phạm vi gia đình không phải xin phép, vùng khai thác nước dưới đất phải đăng ký, chiều sâu giếng phải đăng ký trên địa bàn tỉnh Bình Phước;

- Quyết định số 67/QĐ-UBND ngày 23/6/2006 của UBND tỉnh Bình Phước về việc phê duyệt đề án cải cách thủ tục hành chính theo Quy chế tiếp nhận và trả kết quả của Sở Tài nguyên và Môi trường.

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ GIA HẠN/ĐIỀU CHỈNH NỘI DUNG
GIẤY PHÉP THĂM DÒ NƯỚC DƯỚI ĐẤT**

Kính gửi:.....(tên cơ quan cấp phép)

1. Chủ giấy phép:

- 1.1. Tên chủ giấy phép:.....
1.2. Địa chỉ:.....
1.3. Điện thoại.....fax:.....Email:.....
1.4. Giấy phép thăm dò nước dưới đất số.....ngày.....tháng.....năm....; cơ quan cấp...

2. Lý do đề nghị gia hạn/điều chỉnh nội dung giấy phép:

3. Thời gian đề nghị gia hạn/nội dung đề nghị điều chỉnh giấy phép:

- Thời hạn đề nghị gia hạn:.....tháng/hoặc năm (nếu đề nghị gia hạn)
- Nội dung đề nghị điều chỉnh:.....(nếu đề nghị điều chỉnh nội dung giấy phép)

4. Giấy tờ tài liệu nộp kèm theo đơn này gồm có:

.....1

Đề nghị (tên cơ quan cấp phép) xem xét, gia hạn/điều chỉnh nội dung giấy phép thăm dò nước dưới đất cho (tên chủ giấy phép).

(Chủ giấy phép) cam kết chấp hành đúng nội dung quy định trong giấy phép đã được cấp, nội dung được gia hạn/điều chỉnh và các quy định khác của pháp luật có liên quan./.

....., ngàytháng.....năm.....

Chủ giấy phép

Ký, ghi rõ họ tên (đóng dấu nếu có)

Ghi chú:

1. Ghi rõ các giấy tờ, tài liệu trong hồ sơ đề nghị gia hạn/điều chỉnh nội dung giấy phép
2. Tổ chức/cá nhân gửi 01 bộ hồ sơ tới Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh/thành phố nơi đặt công trình thăm dò khai thác nước (trường hợp cơ quan tiếp nhận hồ sơ là Cục Quản quản tài nguyên nước).



6. Thủ tục gia hạn, thay đổi thời hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép khai thác, sử dụng nước dưới đất đối với công trình có lưu lượng dưới 3000m³/ngày đêm

a) Trình tự thực hiện

- **Bước 1:** Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả. Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả khi nhận hồ sơ kiểm tra tính đầy đủ và hợp lệ của hồ sơ đề nghị cấp giấy phép theo quy định tại điểm 2.5 mục 2, phần II của Thông tư số 02/2005/TT-BTNMT ngày 24/6/2005 của Bộ Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn thực hiện Nghị định số 149/2004/NĐ-CP ngày 27/7/2004 của Chính phủ quy định cấp phép thăm dò, khai thác, sử dụng tài nguyên nước, xả nước thải vào nguồn nước. Trường hợp hồ sơ đề nghị cấp giấy phép chưa đầy đủ, không hợp lệ Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả yêu cầu tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép hoàn chỉnh hồ sơ theo quy định;

- **Bước 2:** Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả chuyển hồ sơ cho Phòng Tài nguyên nước - Khí tượng thủy văn (thời gian không quá 01 ngày làm việc, kể từ khi nhận hồ sơ hợp lệ từ tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép);

- **Bước 3:** Phòng Tài nguyên nước - Khí tượng thủy văn thẩm định hồ sơ;

Trường hợp hồ sơ đủ điều kiện cấp giấy phép, Phòng Tài nguyên nước và Khí tượng thủy văn lập các thủ tục trình Lãnh đạo Sở tham mưu UBND tỉnh quyết định.

Trường hợp hồ sơ không đủ điều kiện, Phòng Tài nguyên nước và Khí tượng thủy văn chuyển hồ sơ kèm theo văn bản nêu rõ lý do không đủ điều kiện cấp giấy phép đến bộ phận tiếp nhận và trả kết quả trả lại cho tổ chức/cá nhân.

Thời gian không quá 12 ngày làm việc.

- **Bước 4:** UBND tỉnh xem xét, quyết định việc cấp phép (thời gian không quá 05 ngày làm việc).

- **Bước 5:** Quyết định UBND tỉnh chuyển về Phòng Tài nguyên nước – Khí tượng thủy văn vào sổ theo dõi, sau đó chuyển Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả trả kết quả cho tổ chức, công dân (thời gian không quá 02 ngày làm việc).

b) Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ trực tiếp tại Sở Tài nguyên và Môi trường.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ: hồ sơ được lập thành 02 bộ bao gồm:

- Đơn đề nghị gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép;
- Giấy phép đã được cấp;
- Kết quả phân tích chất lượng nguồn nước theo quy định của nhà nước tại thời điểm xin gia hạn, thay đổi thời hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép;
- Báo cáo việc thực hiện các quy định trong giấy phép;
- Đề án khai thác nước dưới đất trong trường hợp đề nghị điều chỉnh nội dung giấy phép;

- Mẫu hồ sơ được quy định tại Mục V trong Danh mục mẫu hồ sơ cấp phép kèm theo Thông tư số 02/2005/TT-BTNMT ngày 24/6/2005 của Bộ Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn thực hiện Nghị định số 149/2004/NĐ-CP ngày 27/7/2004 của Chính phủ quy định việc cấp phép thăm dò, khai thác, sử dụng tài nguyên nước, xả nước thải vào nguồn nước.

d) Thời hạn giải quyết: Không quá 20 ngày làm việc.

e) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân.

f) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Sở Tài nguyên và Môi trường.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định hành chính.

h) Phí, lệ phí:

- Phí thẩm định đề án khai thác, sử dụng nước dưới đất (đối với trường hợp điều chỉnh nội dung giấy phép).

+ Lưu lượng dưới 200m³/ngày đêm: 75.000 đồng;

+ Lưu lượng từ 200m³ đến dưới 500m³/ngày đêm: 225.000 đồng;

+ Lưu lượng từ 500m³ đến dưới 1.000m³/ngày đêm: 600.000 đồng;

+ Lưu lượng từ 1.000m³ đến dưới 3.000m³/ngày đêm: 1.100.000 đồng.

- Phí thẩm định Báo cáo kết quả thăm dò đánh giá trữ lượng nước dưới đất:

+ Lưu lượng dưới 200m³/ngày đêm: 75.000 đồng;

+ Lưu lượng từ 200m³ đến dưới 500m³/ngày đêm: 300.000 đồng;

+ Lưu lượng từ 500m³ đến dưới 1.000m³/ngày đêm: 750.000 đồng;

+ Lưu lượng từ 1.000m³ đến dưới 3.000m³/ngày đêm: 1.500.000 đồng.

- Lệ phí: 50.000 đồng.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Đơn đề nghị gia hạn/điều chỉnh nội dung giấy phép khai thác nước dưới đất.

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

- Giấy phép còn hiệu lực không ít hơn 03 tháng tại thời điểm xin gia hạn;

- Tại thời điểm xin gia hạn, chủ giấy phép đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ ghi trong giấy phép.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Tài nguyên nước ngày 21/6/2012;

- Nghị định số 149/2004/NĐ-CP ngày 27/7/2004 của Chính phủ quy định việc cấp phép thăm dò, khai thác, sử dụng tài nguyên nước, xả nước thải vào nguồn nước;

- Nghị định số 38/2011/NĐ-CP ngày 26/5/2011 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều quy định về thủ tục hành chính của Nghị định số 181/2004/NĐ-CP ngày 29/10/2004, Nghị định số 149/2004/NĐ-CP ngày

27/7/2004 và Nghị định số 160/2005/NĐ-CP ngày 27/5/2005;

- Thông tư số 02/2005/TT-BTNMT ngày 24/6/2005 của Bộ Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn thực hiện Nghị định số 149/2004/NĐ-CP ngày 27/7/2004 của Chính phủ quy định việc cấp phép thăm dò, khai thác, sử dụng tài nguyên nước, xả nước thải vào nguồn nước;

- Quyết định số 42/2012/QĐ-UBND ngày 28/12/2012 của UBND tỉnh ban hành mức thu một số loại phí, lệ phí trên địa bàn tỉnh Bình Phước;

- Quyết định số 57/2006/QĐ-UBND ngày 09/5/2006 của UBND tỉnh Bình Phước ban hành Quy định quy mô khai thác, sử dụng tài nguyên nước, xả nước thải vào nguồn nước trong phạm vi gia đình không phải xin phép, vùng khai thác nước dưới đất phải đăng ký, chiều sâu giếng phải đăng ký trên địa bàn tỉnh Bình Phước;

- Quyết định số 67/QĐ-UBND ngày 23/6/2006 của UBND tỉnh Bình Phước về việc phê duyệt đề án cải cách thủ tục hành chính theo Quy chế tiếp nhận và trả kết quả của Sở Tài nguyên và Môi trường.

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ GIA HẠN/ĐIỀU CHỈNH NỘI DUNG
GIẤY PHÉP KHAI THÁC NƯỚC DƯỚI ĐẤT
Kính gửi:.....(tên cơ quan cấp phép)

1. Chủ giấy phép:

- 1.1. Tên chủ giấy phép:.....
1.2. Địa chỉ:.....
1.3. Điện thoại.....fax:.....Email:.....
1.4. Giấy phép khai thác nước dưới đất số.....ngày.....tháng.....năm.....; cơ quan cấp...

2. Lý do đề nghị gia hạn/điều chỉnh nội dung giấy phép:

3. Thời gian đề nghị gia hạn/ đề nghị điều chỉnh nội dung giấy phép:

- Thời hạn đề nghị gia hạn:.....tháng/hoặc năm (nếu đề nghị gia hạn)
- Nội dung đề nghị điều chỉnh:.....(nếu đề nghị điều chỉnh nội dung giấy phép)

4. Giấy tờ tài liệu nộp kèm theo đơn này gồm có:

.....1.
Đề nghị (tên cơ quan cấp phép) xem xét, gia hạn/điều chỉnh nội dung giấy phép khai thác nước dưới đất cho (tên chủ giấy phép).

(Chủ giấy phép) cam kết chấp hành đúng nội dung quy định trong giấy phép đã được cấp, nội dung được gia hạn/điều chỉnh và các quy định khác của pháp luật có liên quan./.

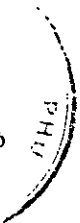
....., ngàytháng.....năm.....

Chủ giấy phép

Ký, ghi rõ họ tên (đồng dấu nếu có)

Ghi chú:

1. Ghi rõ các giấy tờ, tài liệu trong hồ sơ đề nghị gia hạn/điều chỉnh nội dung giấy phép.
2. Tổ chức/cá nhân gửi 01 bộ hồ sơ tới Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh/thành phố nơi đặt công trình thăm dò khai thác nước (trường hợp cơ quan tiếp nhận hồ sơ là Cục Quản lý Tài nguyên nước).



7. Thủ tục cấp giấy phép khai thác, sử dụng nước mặt dưới 2m³/giờ (đối với sản xuất nông nghiệp), dưới 2000 kW (đối với sản xuất điện), dưới 50.000m³/ngày đêm (đối với mục đích khác).

a) Trình tự thực hiện

- **Bước 1:** Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở Tài nguyên và Môi trường. Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả nhận hồ sơ và kiểm tra hồ sơ đề nghị cấp giấy phép theo quy định tại điểm 2.3 mục 2, phần II của Thông tư số 02/2005/TT-BTNMT ngày 24/6/2005 của Bộ Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn thực hiện Nghị định số 149/2004/NĐ-CP. Trường hợp hồ sơ đề nghị cấp giấy phép chưa đầy đủ, không hợp lệ, Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả yêu cầu tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép hoàn chỉnh hồ sơ theo quy định;

- **Bước 2:** Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả chuyển hồ sơ cho Phòng Tài nguyên nước - Khí tượng thủy văn (thời gian không quá 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ từ tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép);

- **Bước 3:** Phòng Tài nguyên nước - Khí tượng thủy văn thẩm định hồ sơ;

Trường hợp hồ sơ đủ điều kiện cấp giấy phép, Phòng Tài nguyên nước và Khí tượng thủy văn lập các thủ tục trình Lãnh đạo Sở tham mưu UBND tỉnh quyết định.

Trường hợp hồ sơ không đủ điều kiện, Phòng Tài nguyên nước và Khí tượng thủy văn chuyển hồ sơ kèm theo văn bản nêu rõ lý do không đủ điều kiện cấp giấy phép đến bộ phận tiếp nhận và trả kết quả trả lại cho tổ chức/cá nhân.

Thời gian không quá 22 ngày làm việc.

- **Bước 4:** UBND tỉnh xem xét, quyết định cấp phép khai thác, sử dụng nước mặt (thời gian không quá 05 ngày làm việc);

- **Bước 5:** Quyết định UBND tỉnh chuyển về Phòng Tài nguyên nước – Khí tượng thủy văn vào sổ theo dõi, chuyển Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả để trả kết quả cho tổ chức, công dân (thời gian không quá 02 ngày làm việc).

Tổng thời gian giải quyết: 30 ngày làm việc.

b) Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ trực tiếp tại Sở Tài nguyên và Môi trường.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ: hồ sơ được lập thành 02 bộ, bao gồm:

- Đơn đề nghị cấp giấy phép;

- Đề án khai thác, sử dụng nước kèm theo quy trình vận hành (đối với trường hợp chưa có công trình khai thác); Báo cáo hiện trạng khai thác, sử dụng nước (đối với trường hợp đang có công trình khai thác);

- Kết quả phân tích chất lượng nguồn nước cho mục đích sử dụng theo quy định của Nhà nước tại thời điểm xin cấp phép;

- Bản đồ khu vực và vị trí công trình khai thác nước tỉ lệ 1/50.000 - 1/25.000 theo hệ tọa độ VN 2000;

- Giấy chứng nhận hoặc giấy tờ hợp lệ về quyền sử dụng đất tại nơi đặt công trình khai thác hoặc văn bản thoả thuận cho phép sử dụng đất giữa tổ chức, cá nhân

nhân khai thác và tổ chức, cá nhân đang sử dụng đất được UBND cấp có thẩm quyền xác nhận.

d) Thời hạn giải quyết: 30 ngày làm việc.

e) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân.

f) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Sở Tài nguyên và Môi trường.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy phép.

h) Phí, lệ phí:

- Phí thẩm định đề án, báo cáo khai thác sử dụng nước mặt:

+ Lưu lượng dưới 500 m³/ngày đêm: 300.000 đồng;

+ Lưu lượng từ 500 m³ đến dưới 3000 m³/ngày đêm: 750.000 đồng;

+ Lưu lượng từ 3000 m³ đến dưới 20.000 m³/ngày đêm: 2.000.000 đồng;

+ Lưu lượng từ 20.000 m³ đến dưới 50.000 m³/ngày đêm: 3.700.000 đồng.

- Lệ phí cấp phép khai thác, sử dụng nước mặt: 100.000 đồng.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Đơn đề nghị cấp giấy phép khai thác, sử dụng nước mặt.

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có):

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Tài nguyên nước ngày 21/6/2012;

- Nghị định số 149/2004/NĐ-CP ngày 27/7/2004 của Chính phủ quy định việc cấp phép thăm dò, khai thác, sử dụng tài nguyên nước, xả nước thải vào nguồn nước;

- Nghị định số 38/2011/NĐ-CP ngày 26/5/2011 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều quy định về thủ tục hành chính của Nghị định số 181/2004/NĐ-CP ngày 29/10/2004, Nghị định số 149/2004/NĐ-CP ngày 27/7/2004 và Nghị định số 160/2005/NĐ-CP ngày 27/5/2005;

- Thông tư số 02/2005/TT-BTNMT ngày 24/6/2005 của Bộ Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn thực hiện Nghị định số 149/2004/NĐ-CP ngày 27/7/2004 của Chính phủ quy định việc cấp phép thăm dò, khai thác, sử dụng tài nguyên nước, xả nước thải vào nguồn nước;

- Quyết định số 42/2012/QĐ-UBND ngày 28/12/2012 của UBND tỉnh ban hành mức thu một số loại phí, lệ phí trên địa bàn tỉnh Bình Phước;

- Quyết định số 67/QĐ-UBND ngày 23/6/2006 của UBND tỉnh Bình Phước về việc phê duyệt đề án cải cách thủ tục hành chính theo Quy chế tiếp nhận và trả kết quả của Sở Tài nguyên và Môi trường.

Mẫu đơn, tờ khai đính kèm

Mẫu số 01/NM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP
KHAI THÁC, SỬ DỤNG NƯỚC MẶT**

Kính gửi:(1)

1. Tổ chức/cá nhân đề nghị cấp phép:

1.1. Tên tổ chức/cá nhân:.....(2)

1.2. Địa chỉ:.....(3)

1.3. Điện thoại:.....Fax:.....Email.....

2. Lý do đề nghị cấp phép:

.....
.....

3. Nội dung đề nghị cấp phép:

3.1. Mục đích khai thác, sử dụng:.....(4)

3.2. Nguồn nước khai thác, sử dụng:.....(5)

3.3. Vị trí công trình khai thác, sử dụng:.....(6)

3.4. Công trình khai thác, sử dụng:

- Công trình đã có hay công trình dự kiến xây dựng: đã có/dự kiến.....

- Loại hình công trình.....(7)

3.5. Lượng nước yêu cầu khai thác, sử dụng.....(8)

3.6. Chế độ khai thác, sử dụng.....(9)

3.7. Thời gian khai thác, sử dụng nước:.....

4. Giấy tờ tài liệu nộp kèm theo đơn này gồm có:

.....
.....(10)

Đề nghị (tên cơ quan cấp phép) xem xét, cấp giấy phép khai thác sử dụng nước mặt cho (tổ chức/cá nhân đề nghị cấp phép).

(Tổ chức/cá nhân đề nghị cấp phép) cam kết chấp hành đúng nội dung quy định trong giấy phép và quy định của pháp luật có liên quan./.

.....ngày.....tháng.....năm.....
Tên tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép
Ký, ghi rõ họ tên, (đóng dấu, nếu có)

HƯỚNG DẪN VIẾT ĐƠN

(1) Tên cơ quan cấp phép: UBND tỉnh (theo quy định tại Điều 13 của Nghị định số 149/2004/NĐ-CP).

(2) Tên tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép: đối với cá nhân ghi rõ họ, tên, số CMND, ngày và nơi cấp, cơ quan cấp; đối với tổ chức thì ghi tên tổ chức, ngày, tháng, năm thành lập, số và ngày, cơ quan ký quyết định thành lập hoặc số giấy đăng ký kinh doanh, giấy phép đầu tư của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

(3) Trụ sở của tổ chức hoặc nơi cư trú của cá nhân đề nghị cấp phép.

(4) Ghi cụ thể mục đích khai thác, sử dụng nước (tưới, cấp nước sinh hoạt, công nghiệp, khai khoáng, phát điện, nuôi trồng thủy sản,...nếu cấp nước cho tưới thì phải ghi rõ diện tích tưới, loại cây trồng, vị trí khu vực tưới.

(5) Ghi tên sông, suối, rạch, hồ, đầm, ao đề nghị được phép khai thác, sử dụng; trường hợp có chuyển nước giữa các sông cần ghi cả tên nguồn nước chuyển đi và tên nguồn nước tiếp nhận lượng nước chuyển sang.

(6) Nếu địa điểm đặt công trình khai thác, sử dụng nước (thôn/ấp, xã/phường, quận/huyện, tỉnh/thành phố), tọa độ (theo hệ VN 2000) các góc của khu vực công trình, tọa độ (theo hệ VN 2000) các hạng mục công trình khai thác, sử dụng nước: tìm cửa lấy nước, tìm trạm bơm, tìm đập chính, tìm nhà máy thủy điện,...

(7) Loại hình công trình khai thác, sử dụng nước mặt, ví dụ: hồ chứa, đập dâng nước, đập tràn, cống lấy nước, kênh dẫn nước, trạm bơm nước,...

(8) Kê khai các đại lượng sau đối với từng mục đích khai thác, sử dụng:

- Lưu lượng lấy nước lớn nhất (m^3/s), lượng nước khai thác, sử dụng lớn nhất theo ngày ($m^3/ngày$ đêm) và theo năm ($m^3/năm$) đối với khai thác, sử dụng nước phục vụ các mục đích không phải là thủy điện;
- Công suất lắp máy (KW) đối với thủy điện không có chuyển đổi dòng chảy;
- Công suất lắp máy (KW) và lưu lượng chuyển đổi dòng chảy (m^3/s) đối với thủy điện có chuyển đổi dòng chảy.

8. Thủ tục gia hạn, thay đổi thời hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép khai thác, sử dụng nước mặt dưới $2\text{m}^3/\text{giờ}$ (đối với sản xuất nông nghiệp), dưới 2.000kW (đối với phát điện), dưới $50.000\text{m}^3/\text{ngày đêm}$ (đối với mục đích khác)

a) Trình tự thực hiện

- **Bước 1:** Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả. Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả nhận hồ sơ, kiểm tra hồ sơ đề nghị cấp giấy phép theo quy định tại điểm 2.5 Mục 2, Phần II của Thông tư số 02/2005/TT-BTNMT ngày 24/6/2005 của Bộ Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn thực hiện Nghị định số 149/2004/NĐ-CP. Trường hợp hồ sơ đề nghị cấp giấy phép chưa đầy đủ, không hợp lệ Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả yêu cầu tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép hoàn chỉnh hồ sơ theo quy định;

- **Bước 2:** Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả chuyển hồ sơ cho Phòng Tài nguyên nước - Khí tượng thủy văn (thời gian không quá 01 ngày làm việc, kể từ khi nhận hồ sơ hợp lệ từ tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép);

- **Bước 3:** Phòng Tài nguyên nước - Khí tượng thủy văn thẩm định hồ sơ;

+ Trường hợp hồ sơ đủ điều kiện cấp giấy phép, Phòng Tài nguyên nước và Khí tượng thủy văn lập các thủ tục trình Lãnh đạo Sở tham mưu UBND tỉnh quyết định;

+ Trường hợp hồ sơ không đủ điều kiện, Phòng Tài nguyên nước và Khí tượng thủy văn chuyển hồ sơ kèm theo văn bản nêu rõ lý do không đủ điều kiện cấp giấy phép đến bộ phận Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả để trả lại tổ chức/cá nhân;

Thời gian không quá 17 ngày làm việc.

- **Bước 4:** UBND tỉnh xem xét, quyết định việc cấp phép (thời gian không quá 05 ngày làm việc);

- **Bước 5:** Quyết định UBND tỉnh chuyển về Phòng Tài nguyên nước - Khí tượng thủy văn vào sổ theo dõi, sau đó chuyển Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả trả kết quả cho tổ chức, công dân (thời gian không quá 02 ngày làm việc).

b) Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ trực tiếp tại Sở Tài nguyên và Môi trường

c) Thành phần, số lượng hồ sơ: hồ sơ được lập thành 02 bộ, bao gồm:

- Đơn đề nghị gia hạn/điều chỉnh nội dung giấy phép khai thác, sử dụng nước mặt;

- Giấy phép đã cấp;

- Kết quả phân tích chất lượng nguồn nước theo quy định của nhà nước tại thời điểm xin điều chỉnh nội dung giấy phép;

- Báo cáo việc thực hiện các quy định trong giấy phép;

- Đề án khai thác, sử dụng nước mặt.

d) Thời hạn giải quyết: 25 ngày làm việc.

e) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân.

f) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Sở Tài nguyên và Môi trường.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định hành chính.

h) Phí, lệ phí:

- Phí thẩm định đề án báo cáo khai thác sử dụng nước mặt (trường hợp điều chỉnh nội dung giấy phép):

+ Lưu lượng dưới 500m³/ngày đêm: 150.000 đồng;

+ Lưu lượng từ 500m³ đến dưới 3000m³/ngày đêm: 375.000 đồng;

+ Lưu lượng từ 3000m³ đến dưới 20.000m³/ngày đêm: 1.000.000 đồng;

+ Lưu lượng từ 20.000m³ đến dưới 50.000m³/ngày đêm: 1.850.000 đồng.

- Lệ phí: 50.000 đồng.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Đơn đề nghị gia hạn/điều chỉnh nội dung giấy phép khai thác, sử dụng nước mặt

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

- Tại thời điểm xin gia hạn, chủ giấy phép đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ ghi trong giấy phép;

- Giấy phép còn hiệu lực không ít hơn 03 tháng tại thời điểm xin gia hạn.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Tài nguyên nước ngày 21/6/2012;

- Nghị định số 149/2004/NĐ-CP ngày 27/7/2004 của Chính phủ quy định việc cấp phép thăm dò, khai thác, sử dụng tài nguyên nước, xả nước thải vào nguồn nước;

- Nghị định số 38/2011/NĐ-CP ngày 26/5/2011 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều quy định về thủ tục hành chính của Nghị định số 181/2004/NĐ-CP ngày 29/10/2004, Nghị định số 149/2004/NĐ-CP ngày 27/7/2004 và Nghị định số 160/2005/NĐ-CP ngày 27/5/2005;

- Thông tư số 02/2005/TT-BTNMT ngày 24/6/2005 của Bộ Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn thực hiện Nghị định số 149/2004/NĐ-CP ngày 27/7/2004 của Chính phủ quy định việc cấp phép thăm dò, khai thác, sử dụng tài nguyên nước, xả nước thải vào nguồn nước;

- Quyết định số 42/2012/QĐ-UBND ngày 28/12/2012 của UBND tỉnh ban hành mức thu một số loại phí, lệ phí trên địa bàn tỉnh Bình Phước;

- Quyết định số 57/2006/QĐ-UBND ngày 09/5/2006 của UBND tỉnh Bình Phước ban hành Quy định quy mô khai thác, sử dụng tài nguyên nước, xả nước thải vào nguồn nước trong phạm vi gia đình không phải xin phép, vùng khai thác nước dưới đất phải đăng ký, chiều sâu giếng phải đăng ký trên địa bàn tỉnh Bình Phước;

- Quyết định số 67/QĐ-UBND ngày 23/6/2006 của UBND tỉnh Bình Phước về việc phê duyệt đề án cải cách thủ tục hành chính theo Quy chế tiếp nhận và trả kết quả của Sở Tài nguyên và Môi trường.

Mẫu đơn, tờ khai đính kèm:
a/GĐNM

Mẫu số 03-

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ GIA HẠN/ĐIỀU CHỈNH NỘI DUNG GIẤY PHÉP
KHAI THÁC SỬ DỤNG NƯỚC MẶT**

Kính gửi:(Tên cơ quan cấp phép)

1. Tổ chức, cá nhân đề nghị gia hạn/điều chỉnh nội dung giấy phép

Tên chủ giấy phép:.....

Địa chỉ:.....

Điện thoại..... fax:..... Email:.....

Giấy phép khai thác, sử dụng nước mặt số.....ngày.....tháng.....năm..... do (tên cơ quan cấp
phép) cấp với thời hạn.....năm.

2. Lý do đề nghị gia hạn/điều chỉnh nội dung giấy phép:

.....
.....

3. Thời hạn đề nghị gia hạn/nội dung đề nghị điều chỉnh giấy phép:

- Thời hạn đề nghị gia hạn:.....(trường hợp đề nghị gia hạn)

- Nội dung đề nghị điều chỉnh:.....(trường hợp đề nghị điều chỉnh nội
dung).....

4. Giấy tờ tài liệu nộp kèm theo đơn này gồm có:

.....
.....1

Đề nghị (tên cơ quan cấp phép) xem xét, gia hạn/điều chỉnh nội dung giấy phép khai thác sử
dụng nước mặt đã cấp cho (tên chủ giấy phép).

(Chủ giấy phép) cam kết chấp hành đúng nội dung quy định trong giấy phép đã được cấp, nội
dung được gia hạn/điều chỉnh và các quy định khác của pháp luật có liên quan./.

....., ngàytháng.....năm.....

Chủ giấy phép

Ký, ghi rõ họ tên (đóng dấu nếu có)

Ghi chú:

1. Ghi rõ các giấy tờ, tài liệu kèm theo hồ sơ.

2. Tổ chức, cá nhân sao gửi một (01) bộ hồ sơ tới Sở Tài nguyên và Môi trường địa phương nơi
đặt công trình khai thác, sử dụng nước mặt (trường hợp cơ quan tiếp nhận hồ sơ là Cục Quản lý
Tài nguyên nước).

9. Thủ tục cấp giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất quy mô vừa và nhỏ

a) Trình tự thực hiện

- **Bước 1:** Tổ chức, cá nhân nộp 02 bộ hồ sơ tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả. Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả nhận hồ sơ, kiểm tra hồ sơ đề nghị cấp giấy phép, trường hợp hồ sơ đề nghị cấp giấy phép chưa đầy đủ, không hợp lệ Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả yêu cầu tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép hoàn chỉnh hồ sơ theo quy định;

- **Bước 2:** Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả chuyển hồ sơ cho Phòng Tài nguyên nước – Khí tượng thủy văn (thời gian không quá 01 ngày làm việc, kể từ khi nhận hồ sơ hợp lệ từ tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép);

- **Bước 3:** Phòng Tài nguyên nước – Khí tượng thủy văn thẩm định hồ sơ:

+ Trường hợp hồ sơ đủ điều kiện cấp giấy phép, Phòng Tài nguyên nước và Khí tượng thủy văn lập các thủ tục trình Lãnh đạo Sở tham mưu UBND tỉnh quyết định;

+ Trường hợp cần thiết, Phòng Tài nguyên nước và Khí tượng thủy văn tham mưu lãnh đạo Sở Tài nguyên và Môi trường có văn bản yêu cầu tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép giải trình bổ sung để làm rõ nội dung hồ sơ; tổ chức kiểm tra thực tế điều kiện hành nghề, năng lực chuyên môn kỹ thuật của tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép; hoặc đề nghị cơ quan Tài nguyên và Môi trường của địa phương nơi đăng ký địa chỉ thường trú đối với tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép để tiến hành kiểm tra thực tế. Cơ quan được đề nghị kiểm tra có trách nhiệm kiểm tra và trả lời bằng văn bản cho Sở Tài nguyên và Môi trường trong thời hạn không quá 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị kiểm tra;

+ Trường hợp hồ sơ không đủ điều kiện, Phòng Tài nguyên nước và Khí tượng thủy văn chuyển hồ sơ kèm theo văn bản nêu rõ lý do không đủ điều kiện cấp giấy phép đến Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả để trả lại tổ chức/cá nhân;

Thời gian không quá 13 ngày làm việc.

- **Bước 4:** UBND tỉnh xem xét, quyết định việc cấp phép (thời gian không quá 05 ngày làm việc). Trường hợp không chấp nhận cấp phép, phải thông báo bằng văn bản, nêu rõ lý do để Sở Tài nguyên và Môi trường trả lại hồ sơ cho tổ chức, cá nhân xin cấp phép.

- **Bước 5:** Quyết định UBND tỉnh chuyển về Phòng Tài nguyên nước – Khí tượng thủy văn vào sổ theo dõi, sau đó chuyển Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả để trả kết quả cho tổ chức, công dân (thời gian không quá 02 ngày làm việc).

b) Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ trực tiếp tại Sở Tài nguyên và Môi trường.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ: Hồ sơ được lập thành 02 bộ, bao gồm:

- Đơn đề nghị cấp phép hành nghề khoan nước dưới đất (theo Mẫu số 01a-M ban hành kèm theo Thông tư số 36/2011/TT-BTNMT ngày 15/9/2011 của Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi, bổ sung Quy định về việc cấp phép hành nghề

khoan nước dưới đất ban hành kèm theo Quyết định số 17/2006/QĐ-BTNMT ngày 12/10/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường);

- Quyết định thành lập tổ chức hoặc giấy đăng ký hoạt động kinh doanh của tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép (Bản sao có chứng thực hoặc Bản sao chụp có xác nhận của cơ quan cấp; trường hợp chỉ có Bản sao chụp thì phải kèm Bản chính để đối chiếu);

- Văn bằng, chứng chỉ của người chịu trách nhiệm chính về kỹ thuật (Bản sao có chứng thực hoặc Bản sao chụp có xác nhận của cơ quan cấp. Trường hợp chỉ có Bản sao chụp thì phải kèm Bản chính để đối chiếu) và hợp đồng lao động đối với trường hợp tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép hợp đồng lao động với người chịu trách nhiệm chính về kỹ thuật;

- Bản khai kinh nghiệm chuyên môn trong hoạt động khoan thăm dò, khoan khai thác nước dưới đất của người chịu trách nhiệm chính về kỹ thuật của tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép (theo Mẫu số 01c ban hành kèm theo Quyết định số 17/2006/QĐ-BTNMT ngày 12/10/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường).

d) Thời hạn giải quyết: 21 ngày làm việc

e) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân

f) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Sở Tài nguyên và Môi trường.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy phép.

h) Phí, lệ phí: Phí thẩm định hồ sơ, điều kiện hành nghề khoan nước dưới đất: 600.000 đồng.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai

- Đơn đề nghị cấp phép hành nghề khoan nước dưới đất;

- Bản khai kinh nghiệm chuyên môn (của người chịu trách nhiệm chính về kỹ thuật).

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính

- Tổ chức, cá nhân hành nghề khoan nước dưới đất phải có Quyết định thành lập tổ chức của cấp có thẩm quyền cấp trong đó có nội dung hoạt động liên quan đến ngành nghề khoan thăm dò, khoan khai thác nước dưới đất;

- Người chịu trách nhiệm chính về kỹ thuật phải đáp ứng điều kiện sau:

❖ Đối với hành nghề khoan nước quy mô nhỏ:

+ Có trình độ chuyên môn tốt nghiệp Trung cấp trở lên thuộc các ngành địa chất, địa chất thủy văn, khoan và có ít nhất hai (02) năm kinh nghiệm trong lĩnh vực hành nghề; hoặc công nhân khoan có tay nghề bậc 3/7 hoặc tương đương trở lên và có ít nhất bốn (04) năm kinh nghiệm trong lĩnh vực hành nghề;

+ Đã trực tiếp tham gia thiết kế, lập báo cáo hoặc thi công khoan ít nhất năm (05) công trình thăm dò, khai thác nước dưới đất;

❖ Đối với hành nghề quy mô vừa:

+ Có trình độ chuyên môn Tốt nghiệp Đại học trở lên thuộc các ngành địa chất, địa chất thủy văn, khoan, có 03 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực hành nghề;

hoặc Tốt nghiệp Trung cấp trở lên thuộc các ngành địa chất, địa chất thủy văn, khoan, có 05 năm kinh nghiệm;

+ Đã trực tiếp tham gia lập đề án, báo cáo thăm dò, thiết kế hệ thống giếng khai thác hoặc chỉ đạo thi công ít nhất 05 công trình thăm dò, khai thác nước dưới đất có lưu lượng từ 200m³/ngày đêm trở lên;

* Máy khoan và các thiết bị thi công khoan phải bảo đảm có tính năng kỹ thuật phù hợp, đáp ứng yêu cầu đối với quy mô hành nghề và an toàn lao động theo quy định hiện hành.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Tài nguyên nước ngày 21/6/2012;

- Quyết định số 17/2006/QĐ-BTNMT ngày 12/10/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành Quy định về việc cấp phép hành nghề khoan nước dưới đất;

- Thông tư số 36/2011/TT-BTNMT ngày 15/9/2011 của Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi, bổ sung Quy định về việc cấp phép hành nghề khoan nước dưới đất ban hành kèm theo Quyết định số 17/2006/QĐ-BTNMT ngày 12/10/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường;

- Quyết định số 42/2012/QĐ-UBND, ngày 28/12/2012 của UBND tỉnh Bình Phước ban hành mức thu một số loại phí, lệ phí trên địa bàn tỉnh;

- Quyết định số 67/QĐ-UBND ngày 23/6/2006 của UBND tỉnh Bình Phước về việc phê duyệt đề án cải cách thủ tục hành chính theo Quy chế tiếp nhận và trả kết quả của Sở Tài nguyên và Môi trường.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP PHÉP
HÀNH NGHỀ KHOAN NƯỚC DƯỚI ĐẤT**

Kính gửi:(1)

1. Tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép:

1.1. Tên tổ chức, cá nhân: (2)

1.2. Địa chỉ: (3)

1.3. Số chứng minh nhân dân, ngày cấp, nơi cấp: (đối với cá nhân đề nghị cấp phép). (4)

1.4. Điện thoại: Fax: Email:

1.5. Quyết định thành lập hoặc giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số ngày ... tháng ... năm ... do (đối với tổ chức đề nghị cấp phép) (5)

1.6. Bản kê khai năng lực chuyên môn kỹ thuật hành nghề khoan nước dưới đất của tổ chức/cá nhân đề nghị cấp phép:

a) Nguồn nhân lực:

- Thủ trưởng đơn vị hành nghề (đối với tổ chức) hoặc cá nhân: (họ tên, trình độ chuyên môn/ngành nghề được đào tạo, số năm công tác và kinh nghiệm trong lĩnh vực hành nghề).

- Người chịu trách nhiệm chính về kỹ thuật: (họ tên, trình độ chuyên môn/ngành nghề được đào tạo, số năm công tác và kinh nghiệm trong lĩnh vực hành nghề).

- Tổng số người: người, trong đó:

+ Số người có trình độ đại học trở lên:người.

+ Số công nhân, trung cấp hoặc tương đương:người.

b) Máy móc, thiết bị chủ yếu:

- Máy khoan:

Tên máy, thiết bị khoan	Ký, mã hiệu	Nước sản xuất	Năm sản xuất	Công suất	Đường kính khoan lớn nhất (mm)	Chiều sâu khoan lớn nhất (m)	Số lượng (bộ)
Liệt kê chi tiết tên từng loại thiết bị khoan (là tài sản của tổ							

chức, cá nhân)						
----------------	--	--	--	--	--	--

- Thiết bị khác:

Tên máy, thiết bị	Ký, mã hiệu	Nước sản xuất	Năm sản xuất	Thông số kỹ thuật chủ yếu	Số lượng (bộ)
Liệt kê chi tiết tên từng loại thiết bị của tổ chức, cá nhân (máy bơm các loại, máy nén khí, thiết bị đo địa vật lý dụng cụ đo mực nước, lưu lượng, máy định vị GPS...)					

2. Nội dung đề nghị cấp phép:

2.1. Quy mô hành nghề:..... (6)

2.2. Thời gian hành nghề:..... (7)

3. Giấy tờ tài liệu nộp kèm theo đơn này gồm có:

.....
 (8)

(tên tổ chức/cá nhân đề nghị cấp phép) đã sao gửi một (01) bộ hồ sơ tới Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh/thành phố (9)

(tên tổ chức/cá nhân đề nghị cấp phép) có đủ máy móc thiết bị và năng lực chuyên môn để hành nghề khoan thăm dò, khoan khai thác nước dưới đất với các nội dung đề nghị cấp phép nêu trên.

Đề nghị (tên cơ quan cấp phép) xem xét và cấp giấy phép hành nghề cho (tên tổ chức/cá nhân đề nghị cấp phép).

(tổ chức/cá nhân đề nghị cấp phép) cam kết chấp hành đúng quy trình kỹ thuật khoan, các quy định về bảo vệ nguồn nước dưới đất và các quy định khác của pháp luật có liên quan./.

....., ngày ... tháng ... năm

Tổ chức/cá nhân đề nghị cấp phép

(ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

HƯỚNG DẪN VIẾT ĐƠN

(1) Tên cơ quan cấp phép: Bộ Tài nguyên và Môi trường (nếu hành nghề với quy mô lớn) hoặc UBND tỉnh/thành phố (nếu hành nghề với quy mô vừa và nhỏ).

(2) Tên tổ chức/cá nhân đề nghị cấp phép.

(3) Ghi rõ địa chỉ (số nhà, đường phố/thôn/ấp, phường/xã/thị trấn, quận/huyện/thị xã/TP, tỉnh/TP) nơi đăng ký địa chỉ thường trú của tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép.

(4) Cá nhân đề nghị cấp phép hành nghề phải nộp kèm bản sao có chứng thực Chứng minh nhân dân hoặc bản sao chụp kèm bản chính để đối chiếu.

(5) Tên cơ quan ký quyết định thành lập tổ chức hoặc tên cơ quan cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

(6) Ghi rõ quy mô đề nghị cấp phép hành nghề là: nhỏ, vừa, hoặc lớn.

(7) Ghi rõ số năm đề nghị cấp phép hành nghề (nhưng không quá 5 năm).

(8) Liệt kê danh mục giấy tờ, tài liệu gửi kèm theo hồ sơ.

(9) Tên tỉnh/thành phố nơi đăng ký địa chỉ thường trú của tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép (trường hợp cơ quan tiếp nhận hồ sơ là Cục Quản lý tài nguyên nước).

Ghi chú: Hồ sơ đề nghị cấp phép gửi tới Cục Quản lý tài nguyên nước đối với trường hợp thuộc thẩm quyền cấp phép của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường; gửi tới Sở Tài nguyên và Môi trường đối với trường hợp thuộc thẩm quyền cấp phép của Chủ tịch UBND tỉnh/thành phố.

**BẢN KHAI KINH NGHIỆM CHUYÊN MÔN
TRONG HOẠT ĐỘNG KHOAN THĂM DÒ, KHAI THÁC NƯỚC DƯỚI ĐẤT CỦA
NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH VỀ KỸ THUẬT**

1. Họ và tên:
2. Ngày, tháng, năm sinh:
3. Nơi sinh:
4. Số chứng minh thư, ngày cấp, nơi cấp:
5. Địa chỉ thường trú:
6. Trình độ chuyên môn, ngành nghề được đào tạo:
7. Các văn bằng, chứng chỉ đã được cấp:
8. Số năm kinh nghiệm trong lĩnh vực khoan thăm dò, khai thác nước dưới đất:
9. Đã trực tiếp tham gia lập đề án, lập báo cáo, thiết kế giếng hoặc thi công, chỉ đạo thi công các công trình khoan thăm dò, khai thác nước dưới đất như sau:
 - Công trình có lưu lượng dưới 200 m³/ngày:
 - Công trình có lưu lượng từ 200 m³/ngày đến dưới 3000 m³/ngày:
 - Công trình có lưu lượng từ 3000 m³/ngày trở lên:
10. Thống kê các công trình khoan thăm dò, khai thác nước dưới đất đã trực tiếp tham gia thực hiện:

Stt	Nội dung công việc trực tiếp tham gia trong các công trình khoan thăm dò, khai thác nước dưới đất				Thời gian (2)	Đơn vị thực hiện (3)
	Tên công trình	Vị trí (huyện, tỉnh)	Lưu lượng, m ³ /ngày	Nội dung công việc (1)		
1						
2						
....						

Tôi xin chịu trách nhiệm về nội dung bản tự khai này./.

.....ngày.....tháng.....năm.....

Xác nhận của tổ chức, cá nhân (đề nghị cấp phép)

Người khai
(ký, ghi rõ họ tên)

Ghi chú:

(1) Ghi rõ là chủ trì hoặc tham gia lập đề án, lập báo cáo, thiết kế giếng, chỉ đạo thi công hoặc thi công....

(2) Ghi rõ tháng, năm tham gia thực hiện các nội dung công việc của công trình.

(3) Ghi rõ tên của tổ chức, cá nhân thực hiện công trình khoan thăm dò, khai thác nước dưới đất hoặc tự mình thực hiện



10. Thủ tục gia hạn, thay đổi thời hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất quy mô vừa và nhỏ

a) Trình tự thực hiện

- **Bước 1:** Tổ chức, cá nhân nộp 02 bộ hồ sơ tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả. Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả nhận hồ sơ, kiểm tra hồ sơ đề nghị gia hạn, thay đổi thời hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất. Trường hợp hồ sơ đề nghị cấp giấy phép chưa đầy đủ, không hợp lệ Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả yêu cầu tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép hoàn chỉnh hồ sơ theo quy định;

- **Bước 2:** Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả chuyển hồ sơ cho Phòng Tài nguyên nước – Khí tượng thủy văn (thời gian không quá 01 ngày làm việc, kể từ khi nhận hồ sơ hợp lệ từ tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép);

- **Bước 3:** Phòng Tài nguyên nước – Khí tượng thủy văn thẩm định hồ sơ:

+ Trường hợp hồ sơ đủ điều kiện cấp giấy phép, Phòng Tài nguyên nước và Khí tượng thủy văn lập các thủ tục trình Lãnh đạo Sở tham mưu UBND tỉnh quyết định;

+ Trường hợp cần thiết, Sở Tài nguyên và Môi trường có văn bản yêu cầu tổ chức, cá nhân đề nghị gia hạn, thay đổi thời hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất giải trình bổ sung để làm rõ nội dung hồ sơ; tổ chức kiểm tra thực tế điều kiện hành nghề, năng lực chuyên môn kỹ thuật của tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép; hoặc đề nghị cơ quan Tài nguyên và Môi trường của địa phương nơi đăng ký địa chỉ thường trú đối với tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép để tiến hành kiểm tra thực tế. Cơ quan được đề nghị kiểm tra có trách nhiệm kiểm tra và trả lời bằng văn bản cho Sở Tài nguyên và Môi trường trong thời hạn không quá 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị kiểm tra;

+ Trường hợp hồ sơ không đủ điều kiện, Phòng Tài nguyên nước và Khí tượng thủy văn chuyển hồ sơ kèm theo văn bản nêu rõ lý do không đủ điều kiện cấp giấy phép đến Bộ phận nhận và trả kết quả để trả lại tổ chức/cá nhân.

Thời gian không quá 09 ngày làm việc.

- **Bước 4:** UBND tỉnh xem xét, quyết định việc cấp phép (thời gian không quá 05 ngày làm việc). Trường hợp không chấp nhận cấp phép, phải thông báo bằng văn bản, nêu rõ lý do để Sở Tài nguyên và Môi trường trả lại hồ sơ cho tổ chức, cá nhân xin cấp phép.

- **Bước 5:** Quyết định UBND tỉnh chuyển về Phòng Tài nguyên nước – Khí tượng thủy văn vào sổ theo dõi, sau đó chuyển Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả trả kết quả cho tổ chức, công dân (thời gian không quá 02 ngày làm việc).

b) Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ trực tiếp tại Sở Tài nguyên và Môi trường.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ: hồ sơ được lập thành 02 bộ, bao gồm:

- Đơn đề nghị gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép (theo Mẫu số 02a-M ban hành kèm theo Thông tư số 36/2011/TT-BTNMT ngày 15/9/2011 của Bộ Tài

nguyên và Môi trường sửa đổi, bổ sung Quy định về việc cấp phép hành nghề khoan nước dưới đất ban hành kèm theo Quyết định số 17/2006/QĐ-BTNMT ngày 12/10/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường);

- Bản sao giấy phép đã được cấp;

- Bảng tổng hợp các công trình khoan thăm dò, khoan khai thác nước dưới đất do tổ chức, cá nhân thực hiện trong thời gian sử dụng giấy phép đã được cấp (theo Mẫu số 02b ban hành kèm theo Quyết định số 17/2006/QĐ-BTNMT);

- Đối với trường hợp đề nghị gia hạn giấy phép mà có sự thay đổi người chịu trách nhiệm chính về kỹ thuật thì ngoài những tài liệu quy định tại các điểm a, b và c của khoản 3, Điều 1 của Thông tư số 36/2011/TT-BTNMT ngày 15/9/2011 của Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi, bổ sung Quy định về việc cấp phép hành nghề khoan nước dưới đất ban hành kèm theo Quyết định số 17/2006/QĐ-BTNMT ngày 12/10/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường, hồ sơ đề nghị gia hạn giấy phép còn bao gồm:

- Văn bằng, chứng chỉ của người chịu trách nhiệm chính về kỹ thuật (Bản sao có chứng thực hoặc Bản sao chụp có xác nhận của cơ quan cấp, trường hợp chỉ có Bản sao chụp thì phải kèm Bản chính để đối chiếu) và hợp đồng lao động đối với trường hợp tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép hợp đồng lao động với người chịu trách nhiệm chính về kỹ thuật;

- Bản khai kinh nghiệm chuyên môn (theo Mẫu số 01c ban hành kèm theo Quyết định số 17/2006/QĐ-BTNMT) của người chịu trách nhiệm chính về kỹ thuật.

d) Thời hạn giải quyết: 17 ngày làm việc.

e) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân.

f) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Sở Tài nguyên và Môi trường.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy phép.

h) Phí, lệ phí: Phí thẩm định hồ sơ gia hạn, bổ sung điều kiện hành nghề khoan nước dưới đất: 300.000 đồng.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai

- Đơn đề nghị gia hạn/điều chỉnh nội dung giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất (theo Mẫu số 02a-M ban hành kèm theo Thông tư số 36/2011/TT-BTNMT ngày 15/9/2011 của Bộ Tài nguyên và Môi trường);

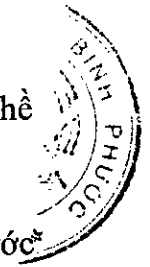
- Bảng tổng hợp các công trình khoan thăm dò, khoan khai thác nước dưới đất đã thực hiện trong thời gian sử dụng giấy phép;

- Bản khai kinh nghiệm chuyên môn, kỹ thuật (của người chịu trách nhiệm chính về kỹ thuật) trong trường hợp thay đổi người chịu trách nhiệm chính về kỹ thuật;

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính

- Người chịu trách nhiệm chính về kỹ thuật phải đáp ứng điều kiện sau:

❖ Đối với hành nghề khoan nước quy mô nhỏ:



+ Có trình độ chuyên môn Tốt nghiệp Trung cấp trở lên thuộc các ngành địa chất, địa chất thủy văn, khoan và có ít nhất hai (02) năm kinh nghiệm trong lĩnh vực hành nghề; hoặc công nhân khoan có tay nghề bậc 3/7 hoặc tương đương trở lên và có ít nhất bốn (04) năm kinh nghiệm trong lĩnh vực hành nghề;

+ Đã trực tiếp tham gia thiết kế, lập báo cáo hoặc thi công khoan ít nhất năm (05) công trình thăm dò, khai thác nước dưới đất;

❖ Đối với hành nghề quy mô vừa:

+ Có trình độ chuyên môn Tốt nghiệp Đại học trở lên thuộc các ngành địa chất, địa chất thủy văn, khoan, có 03 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực hành nghề; hoặc Tốt nghiệp Trung cấp trở lên thuộc các ngành địa chất, địa chất thủy văn, khoan, có 05 năm kinh nghiệm;

+ Đã trực tiếp tham gia lập đề án, báo cáo thăm dò, thiết kế hệ thống giếng khai thác hoặc chỉ đạo thi công ít nhất 05 công trình thăm dò, khai thác nước dưới đất có lưu lượng từ 200m³/ngày đêm trở lên;

* Máy khoan và các thiết bị thi công khoan phải bảo đảm có tính năng kỹ thuật phù hợp, đáp ứng yêu cầu đối với quy mô hành nghề và an toàn lao động theo quy định hiện hành.

* Tại thời điểm nộp hồ sơ đề nghị gia hạn giấy phép, giấy phép đã được cấp còn hiệu lực ít nhất 30 ngày

D) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính

- Luật Tài nguyên nước ngày 21/6/2012;

- Quyết định số 17/2006/QĐ-BTNMT ngày 12/10/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành Quy định về việc cấp phép hành nghề khoan nước dưới đất;

- Thông tư số 36/2011/TT-BTNMT ngày 15/9/2011 của Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi, bổ sung Quy định về việc cấp phép hành nghề khoan nước dưới đất ban hành kèm theo Quyết định số 17/2006/QĐ-BTNMT ngày 12/10/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường;

- Quyết định số 42/2012/QĐ-UBND, ngày 28/12/2012 của UBND tỉnh Bình Phước ban hành mức thu một số loại phí, lệ phí trên địa bàn tỉnh;

- Quyết định số 67/QĐ-UBND ngày 23/6/2006 của UBND tỉnh Bình Phước về việc phê duyệt đề án cải cách thủ tục hành chính theo Quy chế tiếp nhận và trả kết quả của Sở Tài nguyên và Môi trường.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ GIA HẠN/ĐIỀU CHỈNH NỘI DUNG
GIẤY PHÉP HÀNH NGHỀ KHOAN NƯỚC DƯỚI ĐẤT

Kính gửi:(1)

1. Chủ giấy phép:

1.1. Tên chủ giấy phép:

1.2. Địa chỉ:

1.3. Điện thoại : Fax : E-mail :

1.4. Quyết định thành lập (hoặc giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số ... ngày ... tháng ... năm ... do (tên cơ quan ký quyết định thành lập hoặc tên cơ quan cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp).

1.5. Các thông tin về giấy phép đã được cấp : (Giấy phép số, cấp ngày ... tháng ... năm ..., cơ quan cấp ... ; quy mô hành nghề..., thời gian hành nghề...).

1.6. Bản kê khai năng lực chuyên môn kỹ thuật hành nghề khoan nước dưới đất của tổ chức/cá nhân đề nghị cấp phép : (đối với trường hợp đề nghị điều chỉnh quy mô hành nghề).

a) Nguồn nhân lực :

- Thủ trưởng đơn vị hành nghề (đối với tổ chức) hoặc cá nhân : (họ tên, trình độ chuyên môn/ngành nghề được đào tạo, số năm công tác và kinh nghiệm trong lĩnh vực hành nghề).

- Người chịu trách nhiệm chính về kỹ thuật : (họ tên, trình độ chuyên môn/ngành nghề được đào tạo, số năm công tác và kinh nghiệm trong lĩnh vực hành nghề).

- Tổng số người : người, trong đó :

+ Số lượng có trình độ đại học trở lên :người.

+ Số công nhân, trung cấp hoặc tương đương :người.

b) Máy móc, thiết bị chủ yếu :

- Máy khoan:

Tên máy, thiết bị khoan	Ký, mã hiệu	Nước sản xuất	Năm sản xuất	Công suất	Đường kính khoan lớn nhất (mm)	Chiều sâu khoan lớn nhất (m)	Số lượng (bộ)
Liệt kê chi tiết tên từng loại thiết bị khoan (là tài sản của tổ chức, cá nhân)							

- Thiết bị khác:

Tên máy, thiết bị	Ký, mã hiệu	Nước sản xuất	Năm sản xuất	Thông số kỹ thuật chủ yếu	Số lượng (bộ)
Liệt kê chi tiết tên từng loại thiết bị của tổ chức, cá nhân (máy bơm các loại, máy nén khí, thiết bị đo địa vật lý dụng cụ đo mực nước, lưu lượng, máy định vị GPS...)					

2. Tình hình thực hiện các quy định của giấy phép:

..... (2)

3. Lý do đề nghị gia hạn/điều chỉnh nội dung giấy phép:

..... (3)

4. Thời gian đề nghị gia hạn/nội dung đề nghị điều chỉnh giấy phép:

- Thời hạn đề nghị gia hạn: (ghi rõ số tháng/hoặc năm nhưng tối đa không quá 03 năm)

- Nội dung đề nghị điều chỉnh: (ghi rõ quy mô đề nghị điều chỉnh).

5. Giấy tờ tài liệu nộp kèm theo đơn này gồm có:

..... (4)

(tên tổ chức/cá nhân đề nghị gia hạn/điều chỉnh nội dung giấy phép) đã sao gửi một (01) bộ hồ sơ tới Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh/thành phố..... (5)

(tên tổ chức/cá nhân đề nghị gia hạn/điều chỉnh nội dung giấy phép) có đủ năng lực chuyên môn kỹ thuật để hành nghề khoan nước dưới đất quy môĐề nghị (tên cơ quan cấp phép) xem xét gia hạn/điều chỉnh nội dung giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất theo những nội dung nêu trên. (tên tổ chức/cá nhân đề nghị gia hạn/điều chỉnh nội dung giấy phép) cam kết chấp hành đúng nội dung quy định của giấy phép và các quy định của pháp luật về tài nguyên nước./.

....., ngày ... tháng ... năm

Tổ chức/cá nhân đề nghị
(ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

HƯỚNG DẪN VIẾT ĐƠN

(1) Tên cơ quan cấp phép: Bộ Tài nguyên và Môi trường (nếu hành nghề với quy mô lớn) hoặc UBND tỉnh/thành phố (nếu hành nghề với quy mô vừa và nhỏ).

(2) Chủ giấy phép tự đánh giá về tình hình thực hiện quy định của giấy phép trong quá trình hành nghề như: tuân thủ quy trình kỹ thuật khoan, bảo vệ nguồn nước dưới đất, về thực hiện chế độ báo cáo, kết quả các công trình thăm dò, khoan khai thác nước dưới đất; về tình hình chấp hành các quy định của pháp luật về tài nguyên nước và các quy định của pháp luật có liên quan...

(3) Nêu rõ những lý do: về thời hạn của giấy phép đã được cấp, thay đổi về năng lực chuyên môn kỹ thuật, ... so với thời điểm được cấp giấy phép cũ, ...

(4) Liệt kê danh mục giấy tờ, tài liệu gửi kèm theo hồ sơ.

(5) Tên tỉnh/thành phố nơi đăng ký địa chỉ thường trú của tổ chức, cá nhân đề nghị gia hạn/điều chỉnh nội dung giấy phép (trường hợp cơ quan tiếp nhận hồ sơ là Cục Quản lý tài nguyên nước).

Ghi chú: Hồ sơ đề nghị cấp gia hạn/điều chỉnh nội dung giấy phép gửi tới Cục Quản lý tài nguyên nước đối với trường hợp thuộc thẩm quyền cấp phép của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường; gửi tới Sở Tài nguyên và Môi trường đối với trường hợp thuộc thẩm quyền cấp phép của Chủ tịch UBND tỉnh/thành phố.



TÊN CHỦ GIẤY PHÉP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

**BẢNG TỔNG HỢP CÁC CÔNG TRÌNH KHOAN THĂM DÒ,
KHOAN KHAI THÁC NƯỚC DƯỚI ĐẤT ĐÃ THỰC HIỆN TRONG
THỜI GIAN SỬ DỤNG GIẤY PHÉP
(từ tháng / năm đến tháng / năm)**

TT	Tên công trình	Tên chủ công trình	Lưu lượng công trình (m ³ /ngày)	Số lượng giếng	Vị trí công trình		
					Xã/ phường, thị trấn	Quận/huyện, thị xã, thành phố	Tỉnh/ thành phố
1							
2							
3							
4							
5							
6							
...							

....., ngày tháng năm

Tổ chức/cá nhân đề nghị
(ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

**BẢN KHAI KINH NGHIỆM CHUYÊN MÔN
TRONG HOẠT ĐỘNG KHOAN THĂM DÒ, KHAI THÁC NƯỚC DƯỚI ĐẤT
CỦA NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH VỀ KỸ THUẬT**

1. Họ và tên:
2. Ngày, tháng, năm sinh:
3. Nơi sinh:
4. Số chứng minh thư, ngày cấp, nơi cấp:
5. Địa chỉ thường trú:
6. Trình độ chuyên môn, ngành nghề được đào tạo:
7. Các văn bằng, chứng chỉ đã được cấp:
8. Số năm kinh nghiệm trong lĩnh vực khoan thăm dò, khai thác nước dưới đất:
9. Đã trực tiếp tham gia lập đề án, lập báo cáo, thiết kế giếng hoặc thi công, chỉ đạo thi công các công trình khoan thăm dò, khai thác nước dưới đất như sau:
 - Công trình có lưu lượng dưới 200 m³/ngày:
 - Công trình có lưu lượng từ 200 m³/ngày đến dưới 3000 m³/ngày:
 - Công trình có lưu lượng từ 3000 m³/ngày trở lên:

10. Thống kê các công trình khoan thăm dò, khai thác nước dưới đất đã trực tiếp tham gia thực hiện:

STT	Nội dung công việc trực tiếp tham gia trong các công trình khoan thăm dò, khai thác nước dưới đất				Thời gian (2)	Đơn vị thực hiện (3)
	Tên công trình	Vị trí (<i>huyện, tỉnh</i>)	Lưu lượng, m ³ /ngày	Nội dung công việc (1)		
1						
2						
3						
....						

Tôi xin chịu trách nhiệm về nội dung bản tự khai này./.

.....ngày.....tháng.....năm.....

Xác nhận của tổ chức, cá nhân (đề nghị cấp phép)

Người khai
(ký, ghi rõ họ tên)

Ghi chú:

- (1) Ghi rõ là chủ trì hoặc tham gia lập đề án, lập báo cáo, thiết kế giếng, chỉ đạo thi công hoặc thi công....
- (2) Ghi rõ tháng, năm tham gia thực hiện các nội dung công việc của công trình.
- (3) Ghi rõ tên của tổ chức, cá nhân thực hiện công trình khoan thăm dò, khai thác nước dưới đất hoặc tự mình thực hiện.

11. Thủ tục cấp lại giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất quy mô vừa và nhỏ

a) Trình tự thực hiện

- **Bước 1:** Tổ chức, cá nhân nộp 02 bộ hồ sơ tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả. Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả nhận hồ sơ, kiểm tra hồ sơ đề nghị cấp lại giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất. Trường hợp hồ sơ đề nghị cấp lại giấy phép chưa đầy đủ, không hợp lệ Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả yêu cầu tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép hoàn chỉnh hồ sơ theo quy định;

- **Bước 2:** Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả chuyển hồ sơ cho Phòng Tài nguyên nước - Khí tượng thủy văn (thời gian không quá 01 ngày làm việc kể từ khi nhận hồ sơ hợp lệ từ tổ chức, cá nhân đề nghị cấp lại giấy phép);

- **Bước 3:** Phòng Tài nguyên nước - Khí tượng thủy văn thẩm định hồ sơ:

+ Trường hợp hồ sơ đủ điều kiện cấp giấy phép, Phòng Tài nguyên nước và Khí tượng thủy văn lập các thủ tục trình Lãnh đạo Sở tham mưu UBND tỉnh quyết định;

+ Trường hợp mất giấy phép, mà thông tin trong đơn đề nghị cấp lại giấy phép không đúng như trong hồ sơ, giấy phép lưu trữ thì Sở Tài nguyên và Môi trường trả lại đơn cho tổ chức, cá nhân nộp đơn và yêu cầu điều chỉnh cho phù hợp;

Thời gian không quá 04 ngày làm việc.

- **Bước 4:** UBND tỉnh xem xét, quyết định việc cấp phép (thời gian không quá 03 ngày làm việc). Trường hợp không chấp nhận cấp phép, phải thông báo bằng văn bản, nêu rõ lý do để Sở Tài nguyên và Môi trường trả lại hồ sơ cho tổ chức, cá nhân xin cấp phép;

- **Bước 5:** Quyết định UBND tỉnh chuyển về Phòng Tài nguyên nước - Khí tượng thủy văn vào sổ theo dõi, sau đó chuyển Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả để trả kết quả cho tổ chức, công dân (thời gian không quá 02 ngày làm việc).

b) Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ trực tiếp tại Sở Tài nguyên và Môi trường.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ: hồ sơ được lập thành 02 bộ, bao gồm:

- Đơn đề nghị cấp lại giấy phép;

- Giấy phép bị rách nát, hư hỏng (trừ trường hợp bị mất).

d) Thời hạn giải quyết: 10 ngày làm việc.

e) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân.

f) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Sở Tài nguyên và Môi trường.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy phép.

h) Phí, lệ phí: Phí thẩm định hồ sơ, điều kiện hành nghề khoan nước dưới đất: 400.000 đồng

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Đơn đề nghị cấp lại giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất.

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: không.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính

- Luật Tài nguyên nước ngày 21/6/2012;
- Quyết định số 17/2006/QĐ-BTNMT ngày 12/10/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành Quy định về việc cấp phép hành nghề khoan nước dưới đất;
- Thông tư số 36/2011/TT-BTNMT ngày 15/9/2011 của Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi, bổ sung Quy định về việc cấp phép hành nghề khoan nước dưới đất ban hành kèm theo Quyết định số 17/2006/QĐ-BTNMT ngày 12/10/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Quyết định số 42/2012/QĐ-UBND, ngày 28/12/2012 của UBND tỉnh Bình Phước ban hành mức thu một số loại phí, lệ phí trên địa bàn tỉnh;
- Quyết định số 67/QĐ-UBND ngày 23/6/2006 của UBND tỉnh Bình Phước về việc phê duyệt đề án cải cách thủ tục hành chính theo Quy chế tiếp nhận và trả kết quả của Sở Tài nguyên và Môi trường.



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP LẠI GIẤY PHÉP
HÀNH NGHỀ KHOAN NƯỚC DƯỚI ĐẤT

Kính gửi:(1)

1. Chủ giấy phép:

1.1. Tên chủ giấy phép:

1.2. Địa chỉ:

1.3. Điện thoại: Fax: E-mail:

1.4. Quyết định thành lập (hoặc giấy đăng ký hoạt động kinh doanh) số.... ngày ...tháng... năm ... do (tên cơ quan ký quyết định thành lập hoặc tên cơ quan cấp giấy đăng ký hoạt động kinh doanh).

2. Lý do đề nghị cấp lại giấy phép:

.....(2)

3. Các thông tin về giấy phép đã được cấp: (cơ quan cấp...; năm cấp...; quy mô hành nghề..., thời gian hành nghề).

(tên tổ chức/cá nhân đề nghị cấp lại giấy phép) cam kết và chịu trách nhiệm trước pháp luật về sự chính xác của những thông tin nêu trên.

Đề nghị (tên cơ quan cấp phép) xem xét, cấp lại giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất cho (tên tổ chức/cá nhân đề nghị cấp lại giấy phép) theo nội dung của giấy phép đã được cấp.

....., ngày.....tháng.....năm.....

Tổ chức/cá nhân đề nghị
(ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

II. LĨNH VỰC MÔI TRƯỜNG

1. Thủ tục thẩm định thu phí bảo vệ môi trường đối với nước thải công nghiệp

a) Trình tự thực hiện:

- **Bước 1:** Tổ chức, cá nhân hoạt động sản xuất kinh doanh, dịch vụ có phát sinh nước thải lớn hơn hoặc bằng 30m³/ngày.đêm kê khai và nộp Tờ khai nộp phí bảo vệ môi trường đối với nước thải công nghiệp về Chi cục Bảo vệ môi trường – Sở Tài nguyên và Môi trường (chậm nhất là ngày 5 của quý tiếp theo_ chậm nhất ngày 5 tháng 4 kê khai phí cho quý I cùng năm);

- **Bước 2:** Chi cục Bảo vệ môi trường thẩm định Tờ khai nộp phí bảo vệ môi trường đối với nước thải công nghiệp;

- **Bước 3:** Chậm nhất không quá ngày cuối cùng tháng đầu tiên của quý tiếp theo, Chi cục Bảo vệ môi trường có trách nhiệm Thông báo số phí bảo vệ môi trường đối với nước thải công nghiệp phải nộp vào ngân sách nhà nước cho tổ chức, cá nhân.

b) Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu điện về Chi cục Bảo vệ môi trường.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ: 01 Tờ khai nộp phí bảo vệ môi trường đối với nước thải công nghiệp

d) Thời hạn giải quyết: tối đa 22 ngày làm việc nhưng chậm nhất không quá ngày cuối cùng tháng đầu tiên của quý tiếp theo.

e) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Cá nhân, Tổ chức.

f) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Sở Tài nguyên và Môi trường.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Thông báo nộp phí bảo vệ môi trường đối với nước thải công nghiệp.

h) Phí, Lệ phí: Không.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Tờ khai nộp phí bảo vệ môi trường đối với nước thải công nghiệp.

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Bảo vệ môi trường năm 2005;

- Nghị định số 25/2013/NĐ-CP ngày 29 tháng 3 năm 2013 của Chính phủ về phí bảo vệ môi trường đối với nước thải;

- Thông tư liên tịch số 63/2013/TTLT-BTC-BTNMT ngày 15/5/2013 của Bộ Tài chính và Bộ Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn thực hiện Nghị định số 25/2013/NĐ-CP ngày 29 tháng 3 năm 2013 của Chính phủ về phí bảo vệ môi trường đối với nước thải;

- Thông tư số 06/2013/TT-BTNMT ngày 07/5/2013 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Ban hành danh mục lĩnh vực, ngành sản xuất, chế biến có nước thải chứa kim loại nặng phục vụ tính phí bảo vệ môi trường đối với nước thải.



2. Mẫu biểu

TÊN NGƯỜI NỘP PHÍ _____ CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỜ KHAI NỘP PHÍ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI NƯỚC THẢI CÔNG NGHIỆP

(Chỉ áp dụng đối với cơ sở sản xuất, cơ sở chế biến có lượng nước thải trung bình trong năm tính phí từ $30m^3$ /ngày đêm trở lên)

Quý năm

Kính gửi: Sở Tài nguyên và Môi trường

A. Thông tin chung

- Tên người nộp phí:
- Địa chỉ:
- MST:

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

--	--	--
- Điện thoại: Fax: Email:
- Tài khoản số: Tại Ngân hàng:
- Lĩnh vực sản xuất, chế biến:
- Lượng nước sử dụng trung bình hàng ngày (m^3):
- Phương pháp xử lý nước thải:
- Lượng nước thải trung bình trong năm tính phí (m^3 /ngày đêm):

B. Thông tin về hoạt động trong quý tính phí

- Lượng nước thải trung bình trong quý tính phí (m^3 /ngày đêm):
- Thuộc Danh mục lĩnh vực, ngành sản xuất, chế biến có nước thải chứa kim loại nặng do Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành:

Không		→	Khai mục B.1
Có		→	Khai mục B.2

B.1. Cơ sở sản xuất, cơ sở chế biến không thuộc Danh mục Lĩnh vực, ngành sản xuất, chế biến có nước thải chứa kim loại nặng

1. Số phí cố định phải nộp kỳ này: $f =$ đồng

($f = 1.500.000$ đồng nếu là Tờ khai của Quý I; $f = 0$ đồng nếu là Tờ khai của các Quý II, III và IV)

2. Số phí biến đổi phải nộp trong quý:

2.1. Tổng lượng nước thải trong quý (m^3):

Căn cứ để kê khai tổng lượng nước thải trong quý:

2.2. Hàm lượng chất gây ô nhiễm trong nước thải tính phí:

Chất gây ô nhiễm	Hàm lượng (mg/l)	Căn cứ để kê khai hàm lượng COD và TSS (ghi rõ tên đơn vị phân tích, thời gian phân tích)
COD		
TSS		

2.3. Số phí biến đổi phải nộp trong quý: $Cq = \dots\dots\dots$ đồng

3. Số phí phải nộp vào Ngân sách Nhà nước:

TT	Chỉ tiêu	Số tiền (đồng)
1	Số phí phát sinh quý này $Fq = f + Cq$	
2	Số phí từ quý trước chưa nộp hoặc nộp thiếu (nếu có)	
3	Số phí nộp thừa từ quý trước (nếu có)	
4	Số phí phải nộp vào Ngân sách Nhà nước (1 + 2 - 3)	

B.2. Cơ sở sản xuất, cơ sở chế biến thuộc Danh mục Lĩnh vực, ngành sản xuất, chế biến có nước thải chứa kim loại nặng

1. Tổng lượng nước thải trong quý (m^3): $\dots\dots\dots$

Căn cứ để kê khai tổng lượng nước thải trong quý: $\dots\dots\dots$

2. Giá trị K áp dụng trong quý này: $K = \dots\dots\dots$

3. Hàm lượng chất gây ô nhiễm trong nước thải tính phí:

Chất gây ô nhiễm	Hàm lượng (mg/l)	Căn cứ để kê khai hàm lượng COD và TSS (ghi rõ tên đơn vị phân tích, thời gian phân tích)
COD		
TSS		
Giá trị Cq		$\dots\dots\dots$ đồng

4. Số phí phải nộp vào Ngân sách Nhà nước:

TT	Chỉ tiêu	Số tiền (đồng)
1	Số phí phát sinh quý này $Fq = (fxK)/4 + Cq$	
2	Số phí từ quý trước chưa nộp hoặc nộp thiếu (nếu có)	
3	Số phí nộp thừa từ quý trước (nếu có)	
4	Số phí phải nộp vào Ngân sách Nhà nước (1 + 2 - 3)	

C. Số tiền phí bảo vệ môi trường đối với nước thải phải nộp vào Ngân sách Nhà nước kỳ này là (viết bằng chữ): $\dots\dots\dots$

Tôi cam đoan số liệu kê khai trên đây là đúng với thực tế hoạt động của đơn vị./.

Sở Tài nguyên và Môi trường nhận Tờ khai

ngày $\dots\dots/ \dots\dots/ \dots\dots$

(Người nhận ký và ghi rõ họ tên)

$\dots\dots$, ngày $\dots\dots$ tháng $\dots\dots$ năm $\dots\dots$

(Thủ trưởng đơn vị khai, nộp phí)

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

